

ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MÔN: TOÁN – LỚP 6

ĐỀ SỐ 01

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

STT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								Tổng					
			TNKQ						Tự luận					Tỉ lệ % điểm		
			Nhiều lựa chọn	Đúng - Sai		Trả lời ngắn										
Biết	Biết	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng					
1	Chương VI. Phân số	Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau. So sánh hai phân số. Hỗn số dương	4 TD, GTTH 1,0đ													
		Các phép cộng, trừ,	1				1				1					

		<i>nhân, chia phân số.</i>	<i>TD, GTTH 0,25đ</i>				<i>TD, GQVĐ 0,5đ</i>			<i>TD, GQVĐ 0,5đ</i>				
		<i>Hai bài toán về phân số.</i>							<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ, MHH 1,0đ</i>				
2	Chương VII. Số thập phân	<i>Số thập phân. Tính toán với số thập phân. Làm tròn và ước lượng</i>	<i>3 TD, GTTH 0,75đ</i>				<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>				5	2	2	27,5%
		<i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm.</i>		<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>		<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>						
3	Chương VIII. Những hình	<i>Điểm và đường thẳng. Điểm nằm giữa</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>					6	3	2	35%

hình học cơ bản	<i>hai điểm. Tia</i>												
	<i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng</i>	2 TD, GTTH 0,5đ				1 TD, GQVĐ 0,5đ		1 TD, GQVĐ 0,5đ	1 TD, GQVĐ 0,5đ				
Tổng số câu		12	4	2	2	3	1	2	3	16	7	6	100%
Tổng số điểm		3,0	2,0			2,0		3,0		4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %		30%	20%			20%		30%		40%	30%	30%	100%

Lưu ý:

– Các dạng thức trắc nghiệm gồm:

+ *Dạng thức 1: Dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, mỗi câu cho 04 phương án, chọn 01 phương án đúng. Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.*

+ *Dạng thức 2: Dạng câu hỏi trắc nghiệm Đúng/Sai, mỗi câu hỏi có 04 ý với tối đa là 1 điểm/câu, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai. Nếu thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu được 0,1 điểm; 02 ý trong 1 câu được 0,25 điểm; 03 ý trong một câu được 0,5 điểm và chọn chính xác cả 04 ý trong câu được 1 điểm.*

+ *Dạng thức 3: Dạng câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn, với mỗi câu hỏi, viết câu trả lời/ đáp án vào bài thi. Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.*

– *Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.*

		<p><i>Các phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.</i></p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 5					Câu 15			Bài 3
		<p><i>Hai bài toán về phân số.</i></p> <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai bài toán về phân số. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được các giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...) 								Bài 1.1	Bài 1.2

2	Chương VII. Số thập phân	<p><i>Số thập phân.</i></p> <p><i>Tính toán với số thập phân.</i></p> <p><i>Làm tròn và ước lượng</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của số thập phân. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. - Thực hiện ước lượng và làm tròn được số thập phân. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 6, Câu 7, Câu 8				Câu 16		
		<p><i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm</i></p>	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. - Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. 	Câu 13a, Câu 13b	Câu 13c	Câu 13d	Câu 17			

			<p>Vận dụng:</p> <p>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hóa học,...)</p>								
3	<p>Chương VIII.</p> <p>Những hình hình học cơ bản</p>	<p><i>Điểm và đường thẳng.</i></p> <p><i>Điểm nằm giữa hai điểm. Tia.</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề và đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.</p> <p>- Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.</p> <p>- Nhận biết được khái niệm tia.</p>	<p>Câu 9,</p> <p>Câu 10,</p>	<p>Câu 14a,</p> <p>Câu 14b</p>	<p>Câu 14c</p>	<p>Câu 14d</p>				
		<p><i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.</i></p> <p><i>Trung</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Trình bày được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài của đoạn thẳng.</p> <p>Thông hiểu:</p>	<p>Câu 11,</p> <p>Câu 12</p>				<p>Câu 18</p>	<p>Bài 2a</p>	<p>Bài 2b</p>	

	<i>điểm của đoạn thẳng</i>	- Biểu diễn được trung điểm của một đoạn thẳng. - Tính được độ dài của đoạn thẳng.								
	Tổng số câu	29	12	4	2	2	3	1	2	3
	Tổng số điểm	10	3,0	2,0			2,0		3,0	
	Tỉ lệ %	100%	30%	20%			20%		30%	

C. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...
TRƯỜNG ...

MÃ ĐỀ MT101

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN – LỚP 6

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

- A. $\frac{-2,5}{4}$. B. $\frac{-15}{27}$. C. $\frac{2,3}{4,5}$. D. $\frac{25}{0}$.

Câu 2. Phân số nào dưới đây bằng với phân số $\frac{4}{7}$?

- A. $\frac{-8}{14}$. B. $\frac{-4}{7}$. C. $\frac{-8}{-14}$. D. $\frac{7}{4}$.

Câu 3. Phân số $\frac{21}{4}$ viết dưới dạng hỗn số có dạng

- A. $5\frac{1}{4}$. B. $1\frac{4}{5}$. C. $4\frac{1}{5}$. D. $1\frac{5}{4}$.

Câu 4. Điền dấu (>;<;=) thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{-2}{5} \dots \frac{-7}{20}$.

- A. >. B. <. C. =. D. Không so sánh được.

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{4}{5} + \left(\frac{-3}{5}\right)$ là

- A. $\frac{7}{5}$. B. $\frac{-7}{5}$. C. $\frac{1}{5}$. D. $\frac{-1}{5}$.

Câu 6. Viết phân số $-\frac{131}{1\,000}$ dưới dạng số thập phân ta được

- A. -0,131. B. -0,1331. C. -1,31. D. -0,0131.

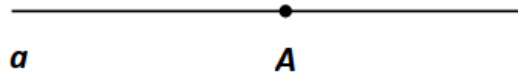
Câu 7. Số thập phân nhỏ nhất trong các số thập phân 2,15; -8,965; -12,05; 0,025 là

- A. 2,15. B. -8,965. C. -12,05. D. 0,025.

Câu 8. Tìm số tự nhiên nhỏ nhất sao cho $x > 10,35$.

- A. 10. B. 11. C. 12. D. 10,36.

Câu 9. Cho hình vẽ sau



Tìm khẳng định sai trong các khẳng định dưới đây.

- A. a là một đoạn thẳng. B. a là một đường thẳng.
C. A là một điểm. D. Điểm A nằm trên đường thẳng a .

Câu 10. Hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp điền vào chỗ (...) trong câu sau để được khẳng định đúng.

“Hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi O được gọi là một”

- A. tia. B. đường thẳng. C. điểm. D. đoạn thẳng.

Câu 11. M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi và chỉ khi

- A. $MA + MB = AB$. B. $MA + AB = MB$ và $MA = MB$.
C. $MA = MB$. D. $MA + MB = AB$ và $MA = MB$.

Câu 12. Cho đoạn thẳng $AM = 3$ cm, M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Khi đó độ dài đoạn thẳng MB là

- A. 3 cm. B. 6 cm. C. 9 cm. D. 12 cm.

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Khối 6 của một trường có 400 học sinh. Sơ kết học kì I có 32 học sinh đạt loại giỏi, 60% học sinh khá, 12 học sinh yếu và còn lại là học sinh trung bình.

- a) Số học sinh giỏi chiếm 8% tổng số học sinh khối 6.
 b) Số học sinh yếu chiếm 4% tổng số học sinh khối 6.
 c) Số học sinh đạt loại khá là 240 học sinh.

d) Số học sinh trung bình nhiều hơn số học sinh giỏi 86 học sinh.

Câu 14. Cho hình vẽ sau:



a) Có tất cả 3 tia trên hình.

b) Tia AB và tia BC là hai tia không chung gốc.

c) Tia BA và tia BC là hai tia đối nhau.

d) Không có cặp tia nào trùng nhau trong hình trên.

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $\frac{-5}{-14} = \frac{20}{6-5x}$.

Trả lời:

Câu 16. Tính giá trị của biểu thức $A = 3 \cdot (32,1 - 6,32) + 7 \cdot 32,1 + 3 \cdot 0,32$.

Trả lời:

Câu 17. Sau khi đóng băng, thể tích nước đá tăng 8%. Như vậy đóng băng 275 cm^3 nước thành nước đá thì khối lượng nước đá có thể tích là bao nhiêu centimet khối?

Trả lời:

Câu 18. Cho độ dài đoạn thẳng $PQ = 9 \text{ cm}$. Biết M nằm giữa P và Q và $MP - MQ = 5 \text{ cm}$. Hỏi độ dài của đoạn thẳng MQ bằng bao nhiêu centimet?

Trả lời:

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. Biết $\frac{7}{15}$ khúc vải dài 28 m. Hỏi cả khúc vải đó dài bao nhiêu mét?

2. Mai đọc một cuốn sách dày 180 trang. Ngày thứ nhất Mai đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Ngày thứ hai Mai đọc được $\frac{2}{5}$ số trang còn lại. Hỏi sau hai ngày cuốn sách còn bao nhiêu trang mà Mai chưa đọc?

Bài 2. (1,0 điểm) Trên tia Ox , vẽ hai điểm A, B sao cho $OA = 3$ cm, $OB = 7$ cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .

b) Gọi I là trung điểm của AB . Tính AI . Trên tia đối của tia Ox , lấy điểm M sao cho $OM = 5$ cm,

điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng MI không? Vì sao?

Bài 3. (0,5 điểm) Tính $A = \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90}$.

D. ĐÁP ÁN – LỜI GIẢI CHI TIẾT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...

TRƯỜNG ...

MÃ ĐỀ MT101

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: TOÁN – LỚP 6

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

BẢNG ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	A	B	C	A
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	B	A	A	D	A
Câu	13	14	15	16	17	18
Đáp án	Đ S Đ S	S Đ Đ S	-10	303	297	2

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số?

A. $\frac{-2,5}{4}$.

B. $\frac{-15}{27}$.

C. $\frac{2,3}{4,5}$.

D. $\frac{25}{0}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Vì $-15; 27 \in \mathbb{Z}$ và $27 \neq 0$ nên $\frac{-15}{27}$ là phân số.

Câu 2. Phân số nào dưới đây bằng với phân số $\frac{4}{7}$?

A. $\frac{-8}{14}$.

B. $\frac{-4}{7}$.

C. $\frac{-8}{-14}$.

D. $\frac{7}{4}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Ta có: $\frac{-8}{-14} = \frac{-8 : (-2)}{-14 : (-2)} = \frac{4}{7}$.

Câu 3. Phân số $\frac{21}{4}$ viết dưới dạng hỗn số có dạng

A. $5\frac{1}{4}$.

B. $1\frac{4}{5}$.

C. $4\frac{1}{5}$.

D. $1\frac{5}{4}$.

Hướng dẫn giải**Đáp án đúng là: A**

Ta có: $\frac{21}{4} = \frac{20}{4} + \frac{1}{4} = 5 + \frac{1}{4} = 5\frac{1}{4}$.

Câu 4. Điền dấu ($>$; $<$; $=$) thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{-2}{5} \dots \frac{-7}{20}$.

A. $>$.

B. $<$.

C. $=$.

D. Không so sánh được.

Hướng dẫn giải**Đáp án đúng là: B**

Ta có: $\frac{-2}{5} = \frac{-2.4}{5.4} = \frac{-8}{20} < \frac{-7}{20}$.

Do đó, chọn đáp án B.

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{4}{5} + \left(\frac{-3}{5}\right)$ là

A. $\frac{7}{5}$.

B. $\frac{-7}{5}$.

C. $\frac{1}{5}$.

D. $\frac{-1}{5}$.

Hướng dẫn giải**Đáp án đúng là: C**

Ta có: $\frac{4}{5} + \left(\frac{-3}{5}\right) = \frac{4+(-3)}{5} = \frac{1}{5}$.

Câu 6. Viết phân số $-\frac{131}{1\ 000}$ dưới dạng số thập phân ta được

A. $-0,131$.

B. $-0,1331$.

C. $-1,31$.

D. $-0,0131$.

Hướng dẫn giải**Đáp án đúng là: A**

Ta có: $-\frac{131}{1\ 000} = -0,131$.

Câu 7. Số thập phân nhỏ nhất trong các số thập phân $2,15$; $-8,965$; $-12,05$; $0,025$ là

A. $2,15$.

B. $-8,965$.

C. $-12,05$.

D. $0,025$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Số nhỏ nhất trong các số thập phân trên là số $-12,05$.

Câu 8. Tìm số tự nhiên nhỏ nhất sao cho $x > 10,35$.

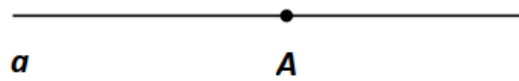
- A. 10. B. 11. C. 12. D. 10,36.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Số tự nhiên nhỏ nhất thỏa mãn $x > 10,35$ là 11.

Câu 9. Cho hình vẽ sau



Tìm khẳng định sai trong các khẳng định dưới đây.

- A. a là một đoạn thẳng. B. a là một đường thẳng.
C. A là một điểm. D. Điểm A nằm trên đường thẳng a .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Ta có a là một đường thẳng và A là một điểm.

Điểm A nằm trên đường thẳng a .

Do đó, khẳng định A là sai.

Vậy chọn đáp án A.

Câu 10. Hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp điền vào chỗ (...) trong câu sau để được khẳng định đúng.

“Hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi O được gọi là một”

- A. tia. B. đường thẳng. C. điểm. D. đoạn thẳng.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi O được gọi là một tia.

Câu 11. M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi và chỉ khi

- A. $MA + MB = AB$. B. $MA + AB = MB$ và $MA = MB$.

C. $MA = MB$.

D. $MA + MB = AB$ và $MA = MB$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: D

Ta có M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi và chỉ khi $MA + MB = AB$ và $MA = MB$.

Câu 12. Cho đoạn thẳng $AM = 3$ cm, M là trung điểm của đoạn thẳng AB . Khi đó độ dài đoạn thẳng MB là

A. 3 cm.

B. 6 cm.

C. 9 cm.

D. 12 cm.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Ta có M là trung điểm của đoạn thẳng AB nên $AM = MB = 3$ cm.

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Khối 6 của một trường có 400 học sinh. Sơ kết học kì I có 32 học sinh đạt loại giỏi, 60% học sinh khá, 12 học sinh yếu và còn lại là học sinh trung bình.

a) Số học sinh giỏi chiếm 8% tổng số học sinh khối 6.

b) Số học sinh yếu chiếm 4% tổng số học sinh khối 6.

c) Số học sinh đạt loại khá là 240 học sinh.

d) Số học sinh trung bình nhiều hơn số học sinh giỏi 86 học sinh.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) Đ b) S c) Đ d) S

Số học sinh giỏi chiếm $\frac{32}{400} \cdot 100 = 8\%$.

Số học sinh yếu chiếm $\frac{12}{400} \cdot 100 = 3\%$.

Số học sinh đạt loại khá là $400 \cdot 60\% = 400 \cdot \frac{60}{100} = 240$ (học sinh)

Số học sinh trung bình là $400 - (32 + 240 + 12) = 116$ (học sinh)

Số học sinh trung bình nhiều hơn số học sinh giỏi là $116 - 32 = 84$ (học sinh).

Câu 14. Cho hình vẽ sau:



- a) Có tất cả 3 tia trên hình.
- b) Tia AB và tia BC là hai tia không chung gốc.
- c) Tia BA và tia BC là hai tia đối nhau.
- d) Không có cặp tia nào trùng nhau trong hình trên.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) S b) Đ c) Đ d) S

a) Các tia trên hình gồm: tia AB, AC, BA, BC, CA, CB .

b) Tia AB và tia BC là hai tia không chung gốc.

c) Tia BA và tia BC là hai tia đối nhau (do B nằm giữa hai điểm A, C)

d) Quan sát hình trên, ta thấy có cặp tia trùng nhau có trong hình như AB và tia AC ; tia CB và tia CA .

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $\frac{-5}{-14} = \frac{20}{6-5x}$.

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: -10

Ta có: $\frac{-5}{-14} = \frac{20}{6-5x}$ hay $-5(6-5x) = -14.20$.

Suy ra $25x - 30 = -280$ nên $25x = -250$.

Do đó, $x = -250 : 25$ và $x = -10$.

Câu 16. Tính giá trị của biểu thức $A = 3.(32,1 - 6,32) + 7.32,1 + 3.0,32$.

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 303

Ta có: $A = 3.(32,1 - 6,32) + 7.32,1 + 3.0,32$

$$A = 3.32,1 - 3.6,32 + 7.32,1 + 3.0,32$$

$$A = (3 + 7).32,1 + 3.(0,32 - 6,32)$$

$$A = 10.32,1 + 3.(-6)$$

$$A = 321 - 18$$

$$A = 303.$$

Câu 17. Sau khi đóng băng, thể tích nước đá tăng 8%. Như vậy đóng băng 275 cm^3 nước thành nước đá thì khối lượng nước đá có thể tích là bao nhiêu centimet khối?

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 297

Sau khi đóng băng, thể tích nước đá tăng 8% nên phần trăm thể tích khối nước đá so với thể tích nước ban đầu là $100\% + 8\% = 108\%$ (thể tích nước ban đầu)

Thể tích khối nước đá (hay nước sau khi đóng băng) là: $275.108\% = 275.\frac{108}{100} = 297 \text{ (cm}^3\text{)}$.

Câu 18. Cho độ dài đoạn thẳng $PQ = 9 \text{ cm}$. Biết M nằm giữa P và Q và $MP - MQ = 5 \text{ cm}$. Hỏi độ dài của đoạn thẳng MQ bằng bao nhiêu centimet?

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 2

Do M nằm giữa P và Q nên ta có $MQ + MP = PQ$ hay $MP + MQ = 9 \text{ (cm)}$.

Mà $MP - MQ = 5 \text{ cm}$.

Suy ra $MQ = (9 - 5) : 2 = 2$ (cm).

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. Biết $\frac{7}{15}$ khúc vải dài 28 m. Hỏi cả khúc vải đó dài bao nhiêu mét?

2. Mai đọc một cuốn sách dày 180 trang. Ngày thứ nhất Mai đọc được $\frac{1}{4}$ số trang. Ngày thứ hai Mai đọc được $\frac{2}{5}$ số trang còn lại. Hỏi sau hai ngày cuốn sách còn bao nhiêu trang mà Mai chưa đọc?

Hướng dẫn giải

1. Độ dài cả khúc vải đó là: $28 : \frac{7}{15} = 60$ (m).

Vậy cả khúc vải đó dài 60 m.

2. Số trang Mai đọc được trong ngày thứ nhất là: $180 \cdot \frac{1}{4} = 45$ (trang)

Sau ngày thứ nhất, số trang Mai chưa đọc của cuốn sách là: $180 - 45 = 135$ (trang)

Ngày thứ hai Mai đọc được số trang sách là: $135 \cdot \frac{2}{5} = 54$ (trang)

Sau hai ngày, số trang sách mà Mai chưa đọc là: $180 - (45 + 54) = 81$ (trang).

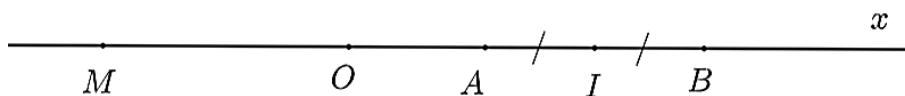
Vậy sau hai ngày, còn 81 trang sách mà Mai chưa đọc.

Bài 2. (1,0 điểm) Trên tia Ox , vẽ hai điểm A, B sao cho $OA = 3$ cm, $OB = 7$ cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB .

b) Gọi I là trung điểm của AB . Tính AI . Trên tia đối của tia Ox , lấy điểm M sao cho $OM = 5$ cm, điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng MI không? Vì sao?

Hướng dẫn giải



a) Vì $OA < OB$ nên A nằm giữa O và B .

Do đó, ta có: $OA + AB = OB$ nên $AB = OB - OA$ hay $AB = 7 - 3 = 4$ (cm).

b) Ta có I là trung điểm của AB nên $IA = IB = \frac{AB}{2} = 2$ cm.

Vậy $AI = 2$ cm.

Vì A nằm giữa hai điểm O và I nên ta có $OA + AI = OI$ hay $OI = 3 + 2 = 5$ (cm).

Vì M thuộc tia đối của tia Ox nên O nằm giữa hai điểm M và I (1)

Ta có $OI = OM = 5$ cm (2)

Từ (1) và (2) suy ra O là trung điểm của đoạn thẳng MI .

Bài 3. (0,5 điểm) Tính $A = \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90}$.

Hướng dẫn giải

Ta có: $A = \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42} + \frac{1}{56} + \frac{1}{72} + \frac{1}{90}$

$$A = \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \frac{1}{4.5} + \frac{1}{5.6} + \frac{1}{6.7} + \frac{1}{7.8} + \frac{1}{8.9} + \frac{1}{9.10}$$

$$A = \frac{1}{2} - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{6} + \frac{1}{6} - \frac{1}{7} + \frac{1}{7} - \frac{1}{8} + \frac{1}{8} - \frac{1}{9} + \frac{1}{9} - \frac{1}{10}$$

$$A = \frac{1}{2} - \frac{1}{10}$$

$$A = \frac{2}{5}$$

Vậy $A = \frac{2}{5}$.

		<i>nhân, chia phân số.</i>	<i>TD, GTTH 0,25đ</i>				<i>TD, GQVĐ 0,5đ</i>			<i>TD, GQVĐ 0,5đ</i>				
		<i>Hai bài toán về phân số.</i>							<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ, MHH 1,0đ</i>				
2	Chương VII. Số thập phân	<i>Số thập phân. Tính toán với số thập phân. Làm tròn và ước lượng</i>	<i>3 TD, GTTH 0,75đ</i>				<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>				5	2	2	27,5%
		<i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm.</i>		<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>		<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>						
3	Chương VIII. Những hình	<i>Điểm và đường thẳng. Điểm nằm giữa</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>					6	3	2	35%

hình học cơ bản	<i>hai điểm. Tia</i>												
	<i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng</i>	2 TD, GTTH 0,5đ				1 TD, GQVĐ 0,5đ		1 TD, GQVĐ 0,5đ	1 TD, GQVĐ 0,5đ				
Tổng số câu		12	4	2	2	3	1	2	3	16	7	6	100%
Tổng số điểm		3,0	2,0			2,0		3,0		4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %		30%	20%			20%		30%		40%	30%	30%	100%

Lưu ý:

– Các dạng thức trắc nghiệm gồm:

+ *Dạng thức 1: Dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, mỗi câu cho 04 phương án, chọn 01 phương án đúng. Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.*

+ *Dạng thức 2: Dạng câu hỏi trắc nghiệm Đúng/Sai, mỗi câu hỏi có 04 ý với tối đa là 1 điểm/câu, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai. Nếu thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu được 0,1 điểm; 02 ý trong 1 câu được 0,25 điểm; 03 ý trong một câu được 0,5 điểm và chọn chính xác cả 04 ý trong câu được 1 điểm.*

+ *Dạng thức 3: Dạng câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn, với mỗi câu hỏi, viết câu trả lời/ đáp án vào bài thi. Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.*

– *Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.*

		<p><i>Các phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.</i></p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 5					Câu 15			Bài 3
		<p><i>Hai bài toán về phân số.</i></p> <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai bài toán về phân số. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được các giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...) 								Bài 1.1	Bài 1.2

2	Chương VII. Số thập phân	<p><i>Số thập phân.</i></p> <p><i>Tính toán với số thập phân.</i></p> <p><i>Làm tròn và ước lượng</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của số thập phân. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. - Thực hiện ước lượng và làm tròn được số thập phân. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 6, Câu 7, Câu 8				Câu 16		
		<p><i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm</i></p>	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. - Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. 	Câu 13a, Câu 13b	Câu 13c	Câu 13d	Câu 17			

			Vận dụng: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hóa học,...)								
3	Chương VIII. Những hình hình học cơ bản	<i>Điểm và đường thẳng.</i> <i>Điểm nằm giữa hai điểm. Tia.</i>	Nhận biết: - Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề và đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. - Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. - Nhận biết được khái niệm tia.	Câu 9, Câu 10,	Câu 14a, Câu 14b	Câu 14c	Câu 14d				
		<i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.</i> <i>Trung</i>	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài của đoạn thẳng. Thông hiểu:	Câu 11, Câu 12				Câu 18	Bài 2a	Bài 2b	

	<i>điểm của đoạn thẳng</i>	- Biểu diễn được trung điểm của một đoạn thẳng. - Tính được độ dài của đoạn thẳng.								
	Tổng số câu	29	12	4	2	2	3	1	2	3
	Tổng số điểm	10	3,0	2,0			2,0		3,0	
	Tỉ lệ %	100%	30%	20%			20%		30%	

C. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...
TRƯỜNG ...

MÃ ĐỀ MT102

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN – LỚP 6

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số có mẫu số là số nguyên âm?

- A. $\frac{-3}{11}$ B. $\frac{31}{-119}$ C. $\frac{19}{-1,1}$ D. $\frac{1}{-2,9}$

Câu 2. Phân số bằng với phân số $\frac{2}{5}$ là

- A. $\frac{-8}{20}$ B. $\frac{-2}{5}$ C. $\frac{-8}{-20}$ D. $\frac{5}{2}$

Câu 3. Cho $a = \frac{2}{7}, b = \frac{-8}{7}$ và $c = 0$. Khẳng định nào đúng trong các khẳng định dưới đây?

- A. $a > b > c$. B. $a > c > b$. C. $b > a > c$. D. $b > c > a$.

Câu 4. Phân số $\frac{16}{3}$ viết dưới dạng hỗn số có dạng

- A. $3\frac{1}{5}$ B. $1\frac{2}{5}$ C. $5\frac{1}{5}$ D. $5\frac{1}{3}$

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{7}{21} + \frac{-9}{21}$ là

- A. $\frac{2}{21}$ B. $\frac{-2}{21}$ C. $\frac{16}{21}$ D. $\frac{-1}{7}$

Câu 6. Số thập phân $-0,06$ đọc là

- A. âm không phải sáu. B. âm không phải không sáu.
C. không phải sáu. D. không phải không sáu.

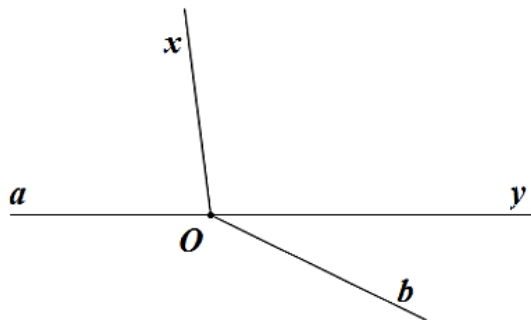
Câu 7. Số đối của phân số $\frac{95}{100}$ dưới dạng số thập phân là

- A. 0,95. B. $\frac{-95}{100}$. C. -0,95. D. $\frac{100}{95}$.

Câu 8. Số thập phân lớn nhất trong các số thập phân $-15,8; -11,7; -6,75; -12,3$ là

- A. $-15,8$. B. $-11,7$. C. $-6,75$. D. $-12,3$.

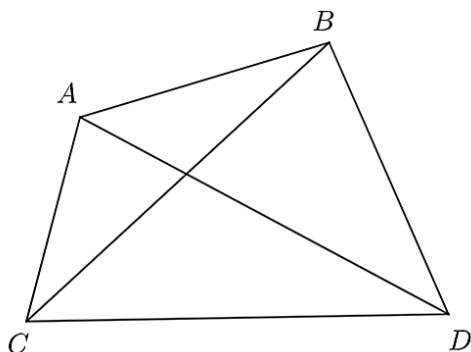
Câu 9. Cho hình vẽ sau:



Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A. Hai tia Oy, Ob là hai tia trùng nhau. B. Hai tia Ox, Ob là hai tia đối nhau.
 C. Hai tia Ox, Oy là hai tia đối nhau. D. Hai tia Oa, Oy là hai tia đối nhau.

Câu 10. Cho hình vẽ dưới đây.



Số đoạn thẳng trong hình trên là

- A. 4. B. 6. C. 8. D. 10.

Câu 11. Nếu O là trung điểm của PQ thì

- A. $OP = PQ$. B. $OQ = PQ$. C. $OP > OQ$. D. $OP = OQ$.

Câu 12. Cho H nằm giữa hai điểm I và K , $IH = 2$ cm, $HK = 5$ cm. Độ dài đoạn thẳng IK là

- A. 10 cm. B. 9 cm. C. 7 cm. D. 3 cm.

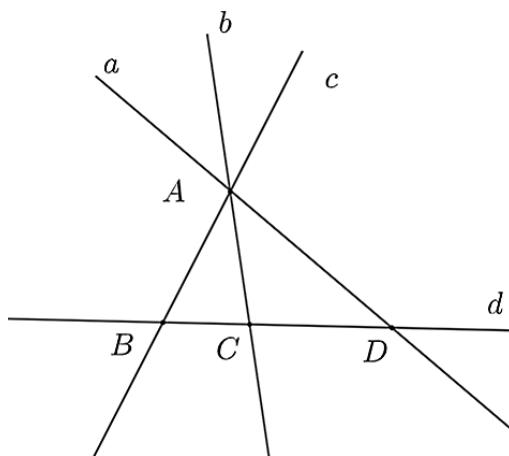
Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Lớp 6B có 50 học sinh. Số học sinh giỏi chiếm 16% số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng 175% số học sinh giỏi. Còn lại là học sinh trung bình.

- a) Số học sinh khá và trung bình chiếm 74% số học sinh lớp 6B.
- b) Số học sinh giỏi của lớp 6B là 8 học sinh.
- c) Số học sinh khá của lớp 6B là 15 học sinh.
- d) Số học sinh trung bình chiếm 56% số học sinh cả lớp.

Câu 14. Cho hình vẽ sau:



- a) Điểm A thuộc các đường thẳng a, b, c .
- b) Điểm A không thuộc đường thẳng d .
- c) Biết $BC = 2,1$ cm, $CD = 2,8$ cm. Khi đó, $BD = 0,7$ cm.
- d) Trên đường thẳng d lấy thêm bốn điểm phân biệt M, N, P, Q không trùng với điểm B, C, D .

Khi đó, có tất cả 8 đoạn thẳng có thể vẽ được.

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $\frac{-2}{5} + \frac{4}{5}x = \frac{3}{5}$.

(Kết quả biểu diễn dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Câu 16. Giá trị của x thỏa mãn $-1,5x - \frac{1}{4}x = -6,65$.

(Kết quả biểu diễn dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Câu 17. Năm học 2021 – 2022, trường THCS Dịch Vọng có 400 học sinh, cuối học kì I có 45% số học sinh tham gia Câu lạc bộ Lịch sử. Đến cuối học kì II, số thành viên tham gia Câu lạc bộ Lịch sử tăng thêm 5%. Hỏi số thành viên Câu lạc bộ Lịch sử ở học kì II là bao nhiêu học sinh?

Trả lời:

Câu 18. Gọi A và B là hai điểm nằm trên tia Ox sao cho $OA = 4$ cm; $OB = 6$ cm. Trên tia BA lấy điểm C sao cho $BC = 3$ cm. Hỏi độ dài đoạn thẳng AC bằng bao nhiêu xentimet?

Trả lời:

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. $\frac{2}{3}$ quả dưa hấu nặng 2 kg. Hỏi quả dưa hấu nặng bao nhiêu kilogram?

2. Trong một kỳ thi học sinh giỏi Toán quốc tế có 152 thí sinh dự thi, Biết rằng số thí sinh Châu Á chiếm $\frac{7}{19}$ tổng số thí sinh. Số thí sinh Châu Âu chiếm $\frac{5}{8}$ số thí sinh còn lại. Số thí sinh Châu Mỹ nhiều hơn số thí sinh Châu Phi là 8. Hỏi mỗi châu lục có bao nhiêu thí sinh dự thi?

Bài 2. (1,0 điểm) Cho Ox và Oy là hai tia đối nhau. Trên tia Ox lấy điểm A sao cho $OA = 6$ cm.

Trên tia Oy lấy điểm B sao cho $OB = 3$ cm. Gọi M và N lần lượt là trung điểm của OA và OB .

a) Trong ba điểm M, O, N điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?

b) Tính độ dài các đoạn thẳng OM, ON và MN .

Bài 3. (0,5 điểm) Tính giá trị của biểu thức $B = \frac{4}{1.4} + \frac{4}{4.7} + \frac{4}{7.10} + \dots + \frac{4}{94.97} + \frac{4}{97.100}$.

D. ĐÁP ÁN – LỜI GIẢI CHI TIẾT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...

TRƯỜNG ...

MÃ ĐỀ MT102

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: TOÁN – LỚP 6

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

BẢNG ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	B	C	B	B
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	C	D	B	D	C
Câu	13	14	15	16	17	18
Đáp án	S D S D	D D S S	1,25	3,8	189	1

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau, cách viết nào cho ta một phân số có mẫu số là số nguyên âm?

A. $\frac{-3}{11}$.

B. $\frac{31}{-119}$.

C. $\frac{19}{-1,1}$.

D. $\frac{1}{-2,9}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Vì $31; -119 \in \mathbb{Z}$ và $-119 < 0$ suy ra $\frac{31}{-119}$ là phân số có mẫu số là số nguyên âm.

Câu 2. Phân số bằng với phân số $\frac{2}{5}$ là

A. $\frac{-8}{20}$.

B. $\frac{-2}{5}$.

C. $\frac{-8}{-20}$.

D. $\frac{5}{2}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Ta có: $\frac{2}{5} = \frac{2 \cdot (-4)}{5 \cdot (-4)} = \frac{-8}{-20}$.

Câu 3. Cho $a = \frac{2}{7}, b = \frac{-8}{7}$ và $c = 0$. Khẳng định nào đúng trong các khẳng định dưới đây?

- A. $a > b > c$. B. $a > c > b$. C. $b > a > c$. D. $b > c > a$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Ta có: $\frac{2}{7} > 0 > \frac{-8}{7}$ nên $a > c > b$.

Câu 4. Phân số $\frac{16}{3}$ viết dưới dạng hỗn số có dạng

- A. $3\frac{1}{5}$. B. $1\frac{2}{5}$. C. $5\frac{1}{5}$. D. $5\frac{1}{3}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: D

Ta có: $\frac{16}{3} = \frac{15}{3} + \frac{1}{3} = 5 + \frac{1}{3} = 5\frac{1}{3}$.

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{7}{21} + \frac{-9}{21}$ là

- A. $\frac{2}{21}$. B. $\frac{-2}{21}$. C. $\frac{16}{21}$. D. $\frac{-1}{7}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Ta có: $\frac{7}{21} + \frac{-9}{21} = \frac{7+(-9)}{21} = \frac{-2}{21}$.

Câu 6. Số thập phân $-0,06$ đọc là

- A. âm không phẩy sáu. B. âm không phẩy không sáu.
C. không phẩy sáu. D. không phẩy không sáu.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Số thập phân $-0,06$ đọc là âm không phẩy không sáu.

Câu 7. Số đối của phân số $\frac{95}{100}$ dưới dạng số thập phân là

- A. 0,95. B. $\frac{-95}{100}$. C. -0,95. D. $\frac{100}{95}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Số đối của phân số $\frac{95}{100}$ là $\frac{-95}{100}$.

Do đó, $\frac{-95}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là $-0,95$.

Câu 8. Số thập phân lớn nhất trong các số thập phân $-15,8; -11,7; -6,75; -12,3$ là

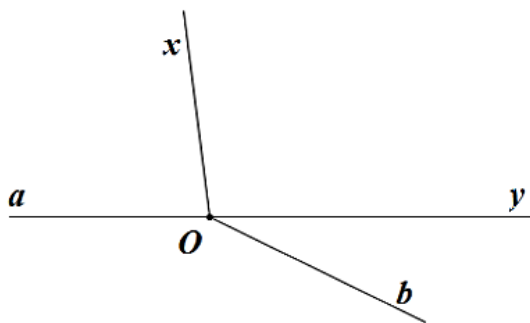
- A. $-15,8$. B. $-11,7$. C. $-6,75$. D. $-12,3$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Số thập phân lớn nhất trong các số thập phân trên là $-6,75$.

Câu 9. Cho hình vẽ sau:



Khẳng định nào sau đây là đúng?

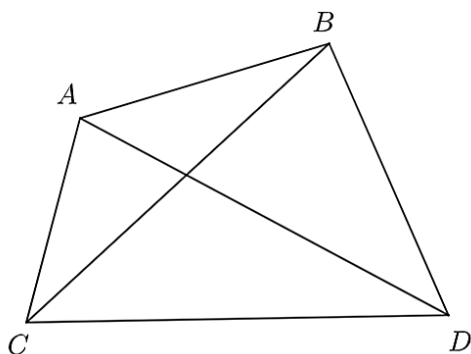
- A. Hai tia Oy, Ob là hai tia trùng nhau. B. Hai tia Ox, Ob là hai tia đối nhau.
C. Hai tia Ox, Oy là hai tia đối nhau. D. Hai tia Oa, Oy là hai tia đối nhau.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: D

Ta có hai tia Oa, Oy là hai tia đối nhau.

Câu 10. Cho hình vẽ dưới đây.



Số đoạn thẳng trong hình trên là

- A. 4. B. 6. C. 8. D. 10.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Các đoạn thẳng có trong hình trên là: AB, BD, DC, CA, AD, BC .

Vậy trong hình bên có 6 đoạn thẳng.

Câu 11. Nếu O là trung điểm của PQ thì

- A. $OP = PQ$. B. $OQ = PQ$. C. $OP > OQ$. D. $OP = OQ$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: D

Nếu O là trung điểm của PQ thì $OP = OQ$.

Câu 12. Cho H nằm giữa hai điểm I và K , $IH = 2$ cm, $HK = 5$ cm. Độ dài đoạn thẳng IK là

- A. 10 cm. B. 9 cm. C. 7 cm. D. 3 cm.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

H nằm giữa hai điểm I và K nên $IK = IH + HK = 2 + 5 = 7$ (cm).

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Lớp 6B có 50 học sinh. Số học sinh giỏi chiếm 16% số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng 175% số học sinh giỏi. Còn lại là học sinh trung bình.

- a) Số học sinh khá và trung bình chiếm 74% số học sinh lớp 6B.

- b) Số học sinh giỏi của lớp 6B là 8 học sinh.
- c) Số học sinh khá của lớp 6B là 15 học sinh.
- d) Số học sinh trung bình chiếm 56% số học sinh cả lớp.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) S b) Đ c) S d) Đ

a) Số học sinh khá và trung bình chiếm $100\% - 16\% = 84\%$ số học sinh lớp 6B.

b) Số học sinh giỏi của lớp 6B là $50 \cdot 16\% = 8$ (học sinh)

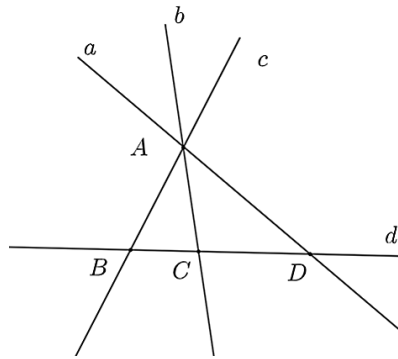
c) Số học sinh khá bằng 175% số học sinh giỏi nên số học sinh khá là:

$$8 \cdot 175\% = 14 \text{ (học sinh)}$$

d) Số học sinh trung bình của lớp 6B là $50 - (8 + 14) = 28$ (học sinh)

Số học sinh trung bình chiếm $\frac{28}{50} \cdot 100 = 56\%$ số học sinh cả lớp.

Câu 14. Cho hình vẽ sau:



- a) Điểm A thuộc các đường thẳng a, b, c .
- b) Điểm A không thuộc đường thẳng d .
- c) Biết $BC = 2,1$ cm, $CD = 2,8$ cm. Khi đó, $BD = 0,7$ cm.
- d) Trên đường thẳng d lấy thêm bốn điểm phân biệt M, N, P, Q không trùng với điểm B, C, D .

Khi đó, có tất cả 8 đoạn thẳng có thể vẽ được.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) Đ b) Đ c) S d) S

a) Ta có điểm A thuộc các đường thẳng a, b, c .

b) Điểm A không thuộc đường thẳng d .

c) Ta có: $BC = 2,1$ cm, $CD = 2,8$ cm. Khi đó, $BD = BC + CD = 2,1 + 2,8 = 4,9$ (cm).

d) Trên đường thẳng d lấy thêm bốn điểm phân biệt M, N, P, Q không trùng với điểm B, C, D .

Khi đó, số đoạn thẳng có thể vẽ được là $\frac{8 \cdot 7}{2} = 28$ (đoạn thẳng)

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $\frac{-2}{5} + \frac{4}{5}x = \frac{3}{5}$.

(Kết quả biểu diễn dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 1,25

Ta có: $\frac{-2}{5} + \frac{4}{5}x = \frac{3}{5}$

$$\frac{4}{5}x = \frac{3}{5} - \left(\frac{-2}{5}\right)$$

$$\frac{4}{5}x = 1$$

$$x = 1 : \frac{4}{5}$$

$$x = \frac{5}{4} \text{ hay } x = 1,25.$$

Vậy $x = 1,25$.

Câu 16. Giá trị của x thỏa mãn $-1,5x - \frac{1}{4}x = -6,65$.

(Kết quả biểu diễn dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Hướng dẫn giải**Đáp án: 3,8**

Ta có: $-1,5x - \frac{1}{4}x = -6,65$

$$-1,5x - 0,25x = -6,65$$

$$(-1,5 - 0,25)x = -6,65$$

$$-1,75x = -6,65$$

$$x = -6,65 : (-1,75)$$

$$x = 3,8.$$

Vậy $x = 3,8$.

Câu 17. Năm học 2021 – 2022, trường THCS Dịch Vọng có 400 học sinh, cuối học kì I có 45% số học sinh tham gia Câu lạc bộ Lịch sử. Đến cuối học kì II, số thành viên tham gia Câu lạc bộ Lịch sử tăng thêm 5%. Hỏi số thành viên Câu lạc bộ Lịch sử ở học kì II là bao nhiêu học sinh?

Trả lời:

Hướng dẫn giải**Đáp án: 189**

Số thành viên của Câu lạc bộ Lịch sử ở học kì I là: $45\% \cdot 400 = 180$ (học sinh)

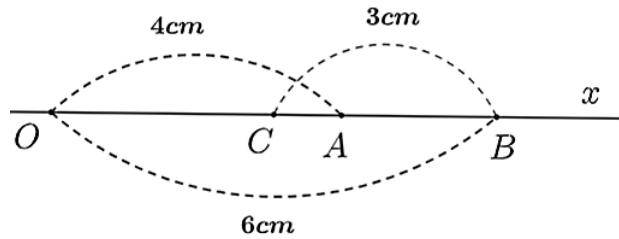
Số thành viên tăng thêm ở học kì II là $180 \cdot 5\% = 9$ (học sinh)

Vậy số thành viên Câu lạc bộ Lịch sử ở học kì II là: $180 + 9 = 189$ (học sinh)

Câu 18. Gọi A và B là hai điểm nằm trên tia Ox sao cho $OA = 4$ cm; $OB = 6$ cm. Trên tia BA lấy điểm C sao cho $BC = 3$ cm. Hỏi độ dài đoạn thẳng AC bằng bao nhiêu xentimet?

Trả lời:

Hướng dẫn giải**Đáp án: 1**



Hai điểm A, B cùng thuộc tia Ox và $OA < OB$ nên điểm A nằm giữa hai điểm O và B .

Do vậy, ta có: $OA + AB = OB$ suy ra $AB = OB - OA = 6 - 4 = 2$ (cm).

Lại có điểm C thuộc tia BA và $BA < BC$ nên điểm A nằm giữa hai điểm C và B .

Do vậy ta có $AB + AC = BC$ suy ra $AC = BC - AB = 3 - 2 = 1$ (cm).

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. $\frac{2}{3}$ quả dưa hấu nặng 2 kg. Hỏi quả dưa hấu nặng bao nhiêu kilogram?

2. Trong một kỳ thi học sinh giỏi Toán quốc tế có 152 thí sinh dự thi, Biết rằng số thí sinh Châu Á chiếm $\frac{7}{19}$ tổng số thí sinh. Số thí sinh Châu Âu chiếm $\frac{5}{8}$ số thí sinh còn lại. Số thí sinh Châu Mỹ nhiều hơn số thí sinh Châu Phi là 8. Hỏi mỗi châu lục có bao nhiêu thí sinh dự thi?

Hướng dẫn giải

1. Cân nặng của quả dưa hấu là: $2 : \frac{2}{3} = 3$ (kg).

Vậy quả dưa hấu nặng 3 kg.

2. Số thí sinh Châu Á dự thi là: $152 \cdot \frac{7}{19} = 56$ (thí sinh)

Số thí sinh Châu Âu, Châu Phi và Châu Mỹ tham gia dự thi là: $152 - 56 = 96$ (thí sinh)

Số thí sinh Châu Âu tham gia dự thi là: $96 \cdot \frac{5}{8} = 60$ (thí sinh)

Số thí sinh Châu Phi và Châu Mỹ dự thi là: $96 - 60 = 36$ (thí sinh)

Số thí sinh Châu Mỹ nhiều hơn số thí sinh Châu Phi là 8.

Do đó, số thí sinh Châu Mỹ tham gia dự thi là: $(36+8):2=22$ (thí sinh)

Số thí sinh Châu Phi dự thi là: $22-8=14$ (thí sinh)

Vậy Châu Á có 56 thí sinh, Châu Âu có 60 thí sinh, Châu Mỹ có 22 thí sinh, Châu Phi có 14 thí sinh.

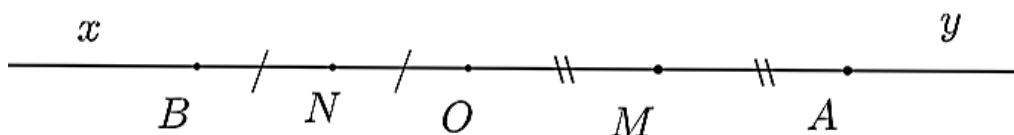
Bài 2. (1,0 điểm) Cho Ox và Oy là hai tia đối nhau. Trên tia Ox lấy điểm A sao cho $OA=6$ cm.

Trên tia Oy lấy điểm B sao cho $OB=3$ cm. Gọi M và N lần lượt là trung điểm của OA và OB .

a) Trong ba điểm M, O, N điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?

b) Tính độ dài các đoạn thẳng OM, ON và MN .

Hướng dẫn giải



a) Vì điểm O thuộc đường thẳng xy , điểm M thuộc đường thẳng Ox , điểm N thuộc đường thẳng Oy nên điểm O nằm giữa điểm M và N .

b) Theo đề, ta có M là trung điểm của OA nên $OM = MA = \frac{OA}{2} = 3$ cm.

Ta có N là trung điểm của OB nên $ON = NB = \frac{OB}{2} = \frac{3}{2} = 1,5$ cm.

Vì O nằm giữa điểm M và N nên ta có $OM + ON = MN$ hay $MN = 3 + 1,5 = 4,5$ (cm).

Bài 3. (0,5 điểm) Tính giá trị của biểu thức $B = \frac{4}{1.4} + \frac{4}{4.7} + \frac{4}{7.10} + \dots + \frac{4}{94.97} + \frac{4}{97.100}$.

Hướng dẫn giải

Ta có: $B = \frac{4}{1.4} + \frac{4}{4.7} + \frac{4}{7.10} + \dots + \frac{4}{94.97} + \frac{4}{97.100}$

$$B = 4 \left(\frac{1}{1.4} + \frac{1}{4.7} + \frac{1}{7.10} + \dots + \frac{1}{94.97} + \frac{1}{97.100} \right)$$

$$B = \frac{4}{3} \left(\frac{3}{1.4} + \frac{3}{4.7} + \frac{3}{7.10} + \dots + \frac{3}{94.97} + \frac{3}{97.100} \right)$$

$$B = \frac{4}{3} \left(1 - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{7} + \frac{1}{7} - \frac{1}{10} + \dots + \frac{1}{94} - \frac{1}{97} + \frac{1}{97} - \frac{1}{100} \right)$$

$$B = \frac{4}{3} \left(1 - \frac{1}{100} \right)$$

$$B = \frac{4}{3} \cdot \frac{99}{100}$$

$$B = \frac{33}{25}$$

Vậy $B = \frac{33}{25}$.

ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MÔN: TOÁN – LỚP 6

ĐỀ SỐ 03

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

STT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								Tổng			
			TNKQ				Tự luận							Tỉ lệ % điểm
			Nhiều lựa chọn	Đúng - Sai		Trả lời ngắn								
Biết	Biết	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng			
1	Chương VI. Phân số	Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau. So sánh hai phân số. Hỗn số dương	4								5	2	2	37,5%
		Các phép cộng, trừ,	1				1			1				

		<i>nhân, chia phân số.</i>	<i>TD, GTTH 0,25đ</i>				<i>TD, GQVĐ 0,5đ</i>			<i>TD, GQVĐ 0,5đ</i>				
		<i>Hai bài toán về phân số.</i>							<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ, MHH 1,0đ</i>				
2	Chương VII. Số thập phân	<i>Số thập phân. Tính toán với số thập phân. Làm tròn và ước lượng</i>	<i>3 TD, GTTH 0,75đ</i>				<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>				5	2	2	27,5%
		<i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm.</i>		<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>		<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>						
3	Chương VIII. Những hình	<i>Điểm và đường thẳng. Điểm nằm giữa</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>					6	3	2	35%

hình học cơ bản	<i>hai điểm. Tia</i>												
	<i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng</i>	2 TD, GTTH 0,5đ				1 TD, GQVĐ 0,5đ		1 TD, GQVĐ 0,5đ	1 TD, GQVĐ 0,5đ				
Tổng số câu		12	4	2	2	3	1	2	3	16	7	6	100%
Tổng số điểm		3,0	2,0			2,0		3,0		4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %		30%	20%			20%		30%		40%	30%	30%	100%

Lưu ý:

– Các dạng thức trắc nghiệm gồm:

+ *Dạng thức 1: Dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, mỗi câu cho 04 phương án, chọn 01 phương án đúng. Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.*

+ *Dạng thức 2: Dạng câu hỏi trắc nghiệm Đúng/Sai, mỗi câu hỏi có 04 ý với tối đa là 1 điểm/câu, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai. Nếu thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu được 0,1 điểm; 02 ý trong 1 câu được 0,25 điểm; 03 ý trong một câu được 0,5 điểm và chọn chính xác cả 04 ý trong câu được 1 điểm.*

+ *Dạng thức 3: Dạng câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn, với mỗi câu hỏi, viết câu trả lời/ đáp án vào bài thi. Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.*

– *Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.*

		<p><i>Các phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.</i></p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 5					Câu 15			Bài 3
		<p><i>Hai bài toán về phân số.</i></p> <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai bài toán về phân số. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được các giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...) 								Bài 1.1	Bài 1.2

2	Chương VII. Số thập phân	<p><i>Số thập phân.</i></p> <p><i>Tính toán với số thập phân.</i></p> <p><i>Làm tròn và ước lượng</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của số thập phân. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. - Thực hiện ước lượng và làm tròn được số thập phân. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 6, Câu 7, Câu 8				Câu 16		
		<p><i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm</i></p>	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. - Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. 	Câu 13a, Câu 13b	Câu 13c	Câu 13d	Câu 17			

			<p>Vận dụng:</p> <p>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hóa học,...)</p>								
3	<p>Chương VIII.</p> <p>Những hình hình học cơ bản</p>	<p><i>Điểm và đường thẳng.</i></p> <p><i>Điểm nằm giữa hai điểm. Tia.</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề và đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.</p> <p>- Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.</p> <p>- Nhận biết được khái niệm tia.</p>	<p>Câu 9,</p> <p>Câu 10,</p>	<p>Câu 14a,</p> <p>Câu 14b</p>	<p>Câu 14c</p>	<p>Câu 14d</p>				
		<p><i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.</i></p> <p><i>Trung</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <p>- Trình bày được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài của đoạn thẳng.</p> <p>Thông hiểu:</p>	<p>Câu 11,</p> <p>Câu 12</p>				<p>Câu 18</p>	<p>Bài 2a</p>	<p>Bài 2b</p>	

	<i>điểm của đoạn thẳng</i>	- Biểu diễn được trung điểm của một đoạn thẳng. - Tính được độ dài của đoạn thẳng.								
	Tổng số câu	29	12	4	2	2	3	1	2	3
	Tổng số điểm	10	3,0	2,0			2,0		3,0	
	Tỉ lệ %	100%	30%	20%			20%		30%	

C. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...
TRƯỜNG ...

MÃ ĐỀ MT103

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: TOÁN – LỚP 6

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Rút gọn phân số $\frac{3}{15}$ được phân số tối giản là

- A. $\frac{1}{5}$. B. $\frac{1}{3}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{30}{150}$.

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{13}{17}$ là

- A. $\frac{17}{13}$. B. $\frac{-13}{17}$. C. $\frac{-17}{13}$. D. $\frac{-13}{-17}$.

Câu 3. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm $\frac{-5}{15} \dots \frac{-7}{15}$ là

- A. $>$. B. $<$. C. $=$. D. \geq .

Câu 4. Chọn khẳng định đúng: Phần phân số của hỗn số dương

- A. luôn nhỏ hơn 1. B. luôn lớn hơn 1.
C. luôn lớn hơn phần nguyên. D. là một phân số bất kì.

Câu 5. Thực hiện phép tính $\frac{-1}{3} + \frac{2}{4} + \frac{-5}{2}$ được kết quả là

- A. -2. B. $\frac{-7}{3}$. C. $\frac{-5}{3}$. D. $\frac{-1}{3}$.

Câu 6. Viết số thập phân $-0,25$ về dạng phân số ta được kết quả là

- A. $\frac{5}{2}$. B. $\frac{-5}{2}$. C. $\frac{-1}{4}$. D. $\frac{-1}{-4}$.

Câu 7. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm 508,99....509,01.

A. $>$.

B. $<$.

C. $=$.

D. \leq .

Câu 8. Trong các số thập phân sau: $0,2; 0,12; 0,5; -2,5$, số thập phân nhỏ hơn 0 là

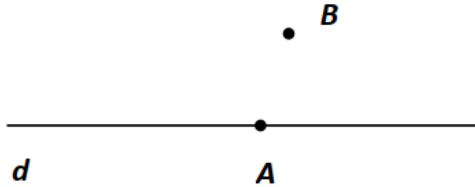
A. $0,2$.

B. $-2,5$.

C. $0,12$.

D. $0,5$.

Câu 9. Cho hình vẽ sau:



Chọn khẳng định sai trong các khẳng định dưới đây.

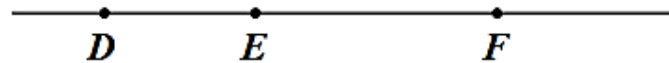
A. Điểm A nằm trên đường thẳng d .

B. Điểm B nằm trên đường thẳng b .

C. Điểm B không thuộc đường thẳng d .

D. d chứa A và không chứa B .

Câu 10. Cho hình vẽ sau:



Khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây là

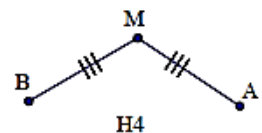
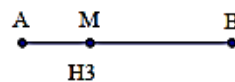
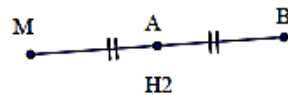
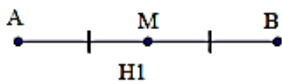
A. Hai điểm D và E nằm cùng phía đối với F .

B. Hai điểm D và E nằm khác phía đối với F .

C. Hai điểm D và F nằm cùng phía đối với E .

D. Hai điểm E và F nằm khác phía đối với D .

Câu 11. Hình nào dưới đây biểu diễn M là trung điểm của AB ?



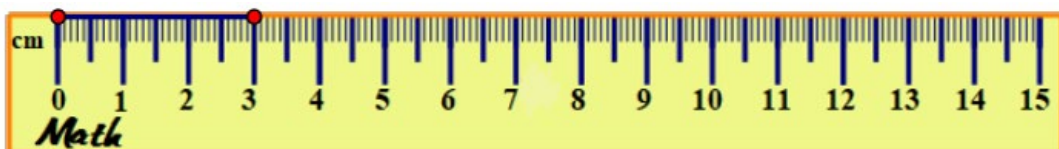
A. Hình $H1$.

B. Hình $H2$.

C. Hình $H3$.

D. Hình $H4$.

Câu 12. Cho hình vẽ dưới đây.



Độ dài của đoạn thẳng trong hình vẽ trên là

- A. 3 cm. B. 1 cm. C. 3 dm. D. 15 cm.

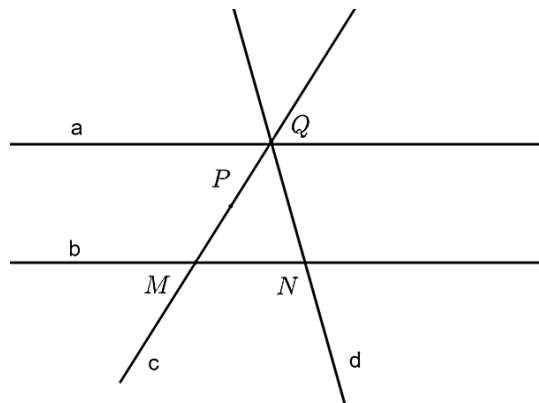
Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Apple là thương hiệu toàn cầu đứng đầu thế giới liên tục từ năm 2013 đến năm 2019. Giá trị thương hiệu của Apple năm 2013 là 96,316 tỉ USD, sau 6 năm đến năm 2019 giá trị thương hiệu của Apple được định giá tới 234,241 tỉ USD. Biết rằng giá trị thương hiệu Apple năm 2019 tăng 9% so với năm 2018. (Sử dụng máy tính cầm tay rồi làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)

- a) Đến năm 2019, giá trị thương hiệu của Apple đã tăng 137,925 tỉ USD so với năm 2013.
- b) Giá trị thương hiệu của Apple năm 2019 bằng 109% năm 2018.
- c) Tỷ số phần trăm giá trị thương hiệu Apple năm 2019 so với giá trị thương hiệu Apple năm 2013 là 243,2%.
- d) Giá trị thương hiệu Apple năm 2018 là 214,9 tỉ USD.

Câu 14. Cho hình bên dưới đây với đường thẳng a, b, c, d và bốn điểm M, N, P, Q .



- a) Điểm P chỉ thuộc đường thẳng c .
- b) Đường thẳng a chỉ đi qua một điểm Q .
- c) Các điểm M, N, Q đều là các điểm thuộc đúng hai đường thẳng.
- d) Có duy nhất một đường thẳng đi qua ba điểm.

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $1\frac{1}{4}x - \frac{1}{6} = \frac{4}{3}$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Câu 16. Tính giá trị của biểu thức $A = 123,8 - 34,15 - 12,49 - (5,85 - 2,49) + 10,2$.

Trả lời:

Câu 17. Một doanh nghiệp sản xuất có doanh thu quý I là 250 tỷ VNĐ, doanh thu quý II tăng thêm 10% so với quý I. Hỏi doanh thu cả quý I và quý II của doanh nghiệp trên là bao nhiêu tỷ VNĐ?

Trả lời:

Câu 18. Cho đoạn thẳng $AB = 8$ cm. Trên tia AB lấy điểm C sao cho $AC = 2$ cm. Lấy điểm D thuộc tia đối của tia BC sao cho $BD = 4$ cm. Hỏi độ dài CD bằng bao nhiêu centimet?

Trả lời:

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. $\frac{1}{3}$ số tuổi của Tú cách đây 3 năm là 6 tuổi. Hỏi Tú năm nay bao nhiêu tuổi?

2. Có một công việc nếu người thợ thứ nhất làm một mình trong 6 giờ thì xong, người thợ thứ hai làm riêng trong 8 giờ thì xong. Hỏi nếu hai thợ cùng làm chung trong 90 phút thì được bao nhiêu công việc? Biết khi làm chung người này không làm ảnh hưởng đến năng suất của người kia.

Bài 2. (1,0 điểm) Trên đường thẳng xy lần lượt lấy bốn điểm A, B, C, D sao cho $AC = BD$.

a) Chứng minh $AB = CD$.

b) Gọi P, Q lần lượt là trung điểm của AB và CD . Chứng minh rằng $PQ = \frac{AC + BD}{2}$.

Bài 3. (0,5 điểm) Tính giá trị của biểu thức $C = \frac{3}{1.3} + \frac{3}{3.5} + \frac{3}{5.7} + \dots + \frac{3}{95.97} + \frac{3}{97.99}$.

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...

TRƯỜNG ...

MÃ ĐỀ MT103

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

MÔN: TOÁN – LỚP 6

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

BẢNG ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	A	A	B	C
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	B	B	A	A	A
Câu	13	14	15	16	17	18
Đáp án	Đ Đ Đ Đ	Đ Đ S Đ	1,2	84	525	10

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Rút gọn phân số $\frac{3}{15}$ được phân số tối giản là

- A. $\frac{1}{5}$. B. $\frac{1}{3}$. C. $\frac{3}{5}$. D. $\frac{30}{150}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

$$\text{Ta có } \frac{3}{15} = \frac{3:3}{15:3} = \frac{1}{5}.$$

Câu 2. Số đối của phân số $\frac{13}{17}$ là

- A. $\frac{17}{13}$. B. $\frac{-13}{17}$. C. $\frac{-17}{13}$. D. $\frac{-13}{-17}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

$$\text{Số đối của phân số } \frac{13}{17} \text{ là } \frac{-13}{17}.$$

Câu 3. Dấu thích hợp để điền vào chỗ chấm $\frac{-5}{15} \dots \frac{-7}{15}$ là

- A. > . B. < . C. = . D. ≥ .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Ta có: $\frac{-5}{15} > \frac{-7}{15}$.

Câu 4. Chọn khẳng định đúng: Phần phân số của hỗn số dương

- A. luôn nhỏ hơn 1. B. luôn lớn hơn 1.
C. luôn lớn hơn phần nguyên. D. là một phân số bất kì.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Phần phân số của hỗn số dương luôn nhỏ hơn 1.

Câu 5. Thực hiện phép tính $\frac{-1}{3} + \frac{2}{4} + \frac{-5}{2}$ được kết quả là

- A. -2. B. $\frac{-7}{3}$. C. $\frac{-5}{3}$. D. $\frac{-1}{3}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Ta có: $\frac{-1}{3} + \frac{2}{4} + \frac{-5}{2} = \frac{-1}{3} + \frac{1}{2} + \frac{-5}{2} = \frac{-1}{3} + \frac{-4}{2} = \frac{-2}{6} + \frac{-12}{6} = \frac{-14}{6} = \frac{-7}{3}$.

Câu 6. Viết số thập phân $-0,25$ về dạng phân số ta được kết quả là

- A. $\frac{5}{2}$. B. $\frac{-5}{2}$. C. $\frac{-1}{4}$. D. $\frac{-1}{-4}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Ta có: $-0,25 = \frac{-25}{100} = \frac{-1}{4}$.

Câu 7. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm $508,99 \dots 509,01$.

- A. > . B. < . C. = . D. ≤ .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Ta có: $508,99 < 509,01$

Câu 8. Trong các số thập phân sau: $0,2; 0,12; 0,5; -2,5$, số thập phân nhỏ hơn 0 là

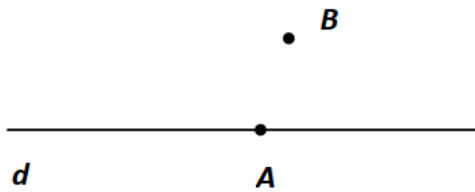
- A. $0,2$. B. $-2,5$. C. $0,12$. D. $0,5$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Số thập phân nhỏ hơn 0 là $-2,5$.

Câu 9. Cho hình vẽ sau:



Chọn khẳng định sai trong các khẳng định dưới đây.

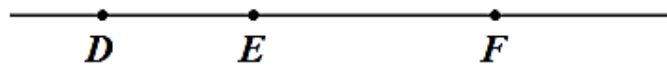
- A. Điểm A nằm trên đường thẳng d . B. Điểm B nằm trên đường thẳng b .
C. Điểm B không thuộc đường thẳng d . D. d chứa A và không chứa B .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Khẳng định sai là điểm B nằm trên đường thẳng b .

Câu 10. Cho hình vẽ sau:



Khẳng định đúng trong các khẳng định dưới đây là

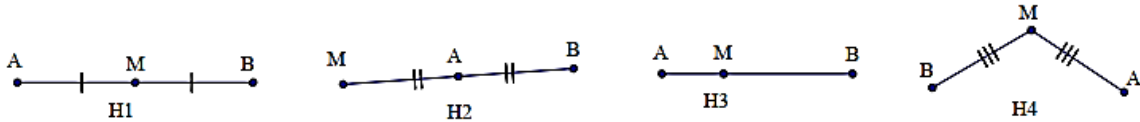
- A. Hai điểm D và E nằm cùng phía đối với F .
B. Hai điểm D và E nằm khác phía đối với F .
C. Hai điểm D và F nằm cùng phía đối với E .
D. Hai điểm E và F nằm khác phía đối với D .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Hai điểm D và E nằm cùng phía đối với F .

Câu 11. Hình nào dưới đây biểu diễn M là trung điểm của AB ?



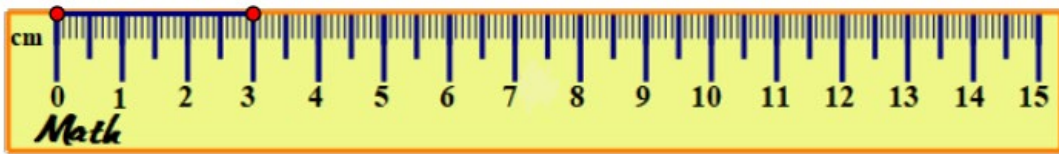
- A. Hình H1. B. Hình H2. C. Hình H3. D. Hình H4.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Hình biểu diễn M là trung điểm của AB là hình H1.

Câu 12. Cho hình vẽ dưới đây.



Độ dài của đoạn thẳng trong hình vẽ trên là

- A. 3 cm. B. 1 cm. C. 3 dm. D. 15 cm.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Độ dài đoạn thẳng trong hình vẽ trên là 3 cm.

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Apple là thương hiệu toàn cầu đứng đầu thế giới liên tục từ năm 2013 đến năm 2019. Giá trị thương hiệu của Apple năm 2013 là 96,316 tỉ USD, sau 6 năm đến năm 2019 giá trị thương hiệu của Apple được định giá tới 234,241 tỉ USD. Biết rằng giá trị thương hiệu Apple năm 2019 tăng 9% so với năm 2018. (Sử dụng máy tính cầm tay rồi làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)

a) Đến năm 2019, giá trị thương hiệu của Apple đã tăng 137,925 tỉ USD so với năm 2013.

b) Giá trị thương hiệu của Apple năm 2019 bằng 109% năm 2018.

c) Tỷ số phần trăm giá trị thương hiệu Apple năm 2019 so với giá trị thương hiệu Apple năm 2013 là 243,2%.

d) Giá trị thương hiệu Apple năm 2018 là 214,9 tỉ USD.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) Đ b) Đ c) Đ d) Đ

• Đến năm 2019, giá trị thương hiệu của Apple đã tăng so với năm 2013 là

$$234,241 - 96,316 = 137,925 \text{ (tỉ USD)}$$

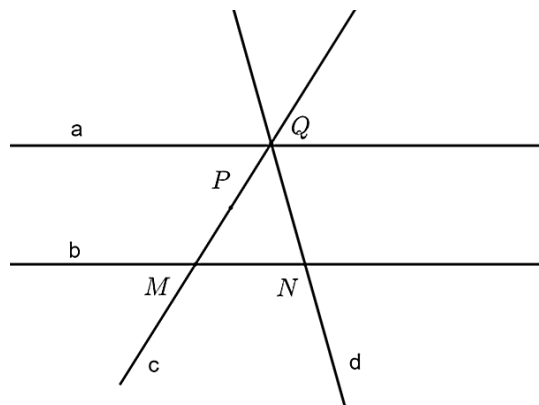
• Do giá trị thương hiệu Apple năm 2019 tăng 9% so với năm 2018 nên giá trị thương hiệu Apple năm 2019 bằng $100 + 9 = 109\%$.

• Tỉ số phần trăm giá trị thương hiệu Apple năm 2019 so với giá trị thương hiệu Apple năm 2013 là

$$\frac{234,241}{96,316} \cdot 100\% \approx 243,2\%$$

• Do đó, giá trị thương hiệu Apple năm 2018 là $234,241 : 109\% = 234,241 : \frac{109}{100} = 214,9$ (tỉ USD).

Câu 14. Cho hình bên dưới đây với đường thẳng a, b, c, d và bốn điểm M, N, P, Q .



- a) Điểm P chỉ thuộc đường thẳng c .
- b) Đường thẳng a chỉ đi qua một điểm Q .
- c) Các điểm M, N, Q đều là các điểm thuộc đúng hai đường thẳng.
- d) Có duy nhất một đường thẳng đi qua ba điểm.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) Đ b) Đ c) S d) Đ

Quan sát hình vẽ, ta thấy:

a) Điểm P chỉ thuộc đường thẳng c .

b) Đường thẳng a chỉ đi qua một điểm Q .

c) Điểm M thuộc hai đường thẳng b và c ; N thuộc hai đường thẳng d và c ; Q thuộc ba đường thẳng a, b, c .

d) Có duy nhất đường thẳng c đi qua ba điểm M, P, N .

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $1\frac{1}{4}x - \frac{1}{6} = \frac{4}{3}$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 1,2

Ta có: $1\frac{1}{4}x - \frac{1}{6} = \frac{4}{3}$

$$\frac{5}{4}x = \frac{4}{3} + \frac{1}{6}$$

$$\frac{5}{4}x = \frac{3}{2}$$

$$x = \frac{3}{2} : \frac{5}{4}$$

$$x = \frac{6}{5} \text{ hay } x = 1,2.$$

Vậy $x = 1,2$.

Câu 16. Tính giá trị của biểu thức $A = 123,8 - 34,15 - 12,49 - (5,85 - 2,49) + 10,2$.

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 84

Ta có: $A = 123,8 - 34,15 - 12,49 - (5,85 - 2,49) + 10,2$

$$A = 123,8 - 34,15 - 12,49 - 5,85 + 2,49 + 10,2$$

$$A = (123,8 + 10,2) - (34,15 + 5,85) - (12,49 - 2,49)$$

$$A = 134 - 40 - 10$$

$$A = 84.$$

Câu 17. Một doanh nghiệp sản xuất có doanh thu quý I là 250 tỷ VNĐ, doanh thu quý II tăng thêm 10% so với quý I. Hỏi doanh thu cả quý I và quý II của doanh nghiệp trên là bao nhiêu tỷ VNĐ?

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 525

10% doanh thu quý I là $\frac{250 \cdot 10}{100} = 25$ (tỷ VNĐ)

Doanh thu của quý II là $250 + 25 = 275$ (tỷ VNĐ)

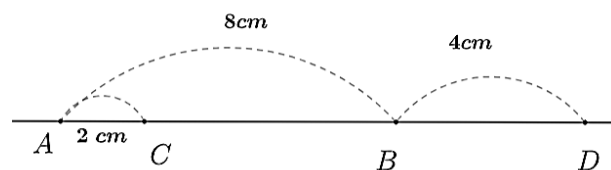
Vậy doanh thu cả quý I và quý II của doanh nghiệp trên là: $250 + 275 = 525$ (tỷ VNĐ)

Câu 18. Cho đoạn thẳng $AB = 8$ cm. Trên tia AB lấy điểm C sao cho $AC = 2$ cm. Lấy điểm D thuộc tia đối của tia BC sao cho $BD = 4$ cm. Hỏi độ dài CD bằng bao nhiêu centimet?

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 10



Điểm C thuộc tia AB và $AC < AB$ nên điểm C nằm giữa hai điểm A và B .

Khi đó, ta có $CA + CB = AB$ hay $2 + CB = 8$, suy ra $CB = 8 - 2 = 6$ (cm).

Điểm D thuộc tia đối của tia BC nên điểm B nằm giữa hai điểm C và D .

Khi đó, $BC + BD = CD$ hay $CD = 10$ (cm).

Vậy $CD = 10$ (cm).

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. $\frac{1}{3}$ số tuổi của Tú cách đây 3 năm là 6 tuổi. Hỏi Tú năm nay bao nhiêu tuổi?

2. Có một công việc nếu người thợ thứ nhất làm một mình trong 6 giờ thì xong, người thợ thứ hai làm riêng trong 8 giờ thì xong. Hỏi nếu hai thợ cùng làm chung trong 90 phút thì được bao nhiêu công việc? Biết khi làm chung người này không làm ảnh hưởng đến năng suất của người kia.

Hướng dẫn giải

1. Tuổi của Tú cách đây ba năm là: $6 : \frac{1}{3} = 18$ (tuổi)

Tuổi của Tú hiện nay là: $18 + 3 = 21$ (tuổi)

2. Đổi 90 phút = $\frac{3}{2}$ giờ.

Trong một giờ, người thợ thứ nhất làm được số phần công việc là: $1 : 6 = \frac{1}{6}$ (công việc)

Trong một giờ, người thợ thứ hai làm được số phần công việc là: $1 : 8 = \frac{1}{8}$ (công việc)

Trong một giờ, cả hai người làm được số phần công việc là: $\frac{1}{6} + \frac{1}{8} = \frac{7}{24}$ (công việc)

Nếu hai người thợ cùng làm chung trong 90 phút thì làm được số phần công việc là:

$\frac{7}{24} \cdot \frac{3}{2} = \frac{7}{16}$ (công việc)

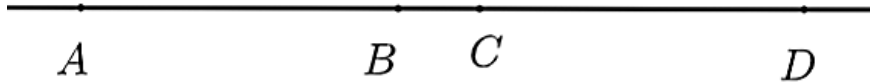
Vậy hai người thợ cùng làm chung trong 90 phút được $\frac{7}{16}$ công việc.

Bài 2. (1,0 điểm) Trên đường thẳng xy lần lượt lấy bốn điểm A, B, C, D sao cho $AC = BD$.

a) Chứng minh $AB = CD$.

b) Gọi P, Q lần lượt là trung điểm của AB và CD . Chứng minh rằng $PQ = \frac{AC + BD}{2}$.

Hướng dẫn giải



a) Ta có: $AC = AB + BC$ và $BD = BC + CD$.

Mà $AC = BD$, nên $AB + BC = BC + CD$.

Do đó, $AB = CD$.

b) Ta có P là trung điểm của AB nên $AP = PB = \frac{AB}{2}$.

Q là trung điểm của CD nên $CQ = QD = \frac{CD}{2}$.

Ta có: $PQ = PB + BC + CQ = \frac{AB}{2} + BC + \frac{CD}{2}$

$$= \frac{AB + 2BC + CD}{2} = \frac{AB + BC + BC + CD}{2} = \frac{AC + BD}{2}.$$

Vậy $PQ = \frac{AC + BD}{2}$.

Bài 3. (0,5 điểm) Tính giá trị của biểu thức $C = \frac{3}{1.3} + \frac{3}{3.5} + \frac{3}{5.7} + \dots + \frac{3}{95.97} + \frac{3}{97.99}$.

Hướng dẫn giải

Ta có: $C = \frac{3}{1.3} + \frac{3}{3.5} + \frac{3}{5.7} + \dots + \frac{3}{95.97} + \frac{3}{97.99}$

$$C = 3 \left(\frac{1}{1.3} + \frac{1}{3.5} + \frac{1}{5.7} + \dots + \frac{1}{95.97} + \frac{1}{97.99} \right)$$

$$C = \frac{3}{2} \left(\frac{2}{1.3} + \frac{2}{3.5} + \frac{2}{5.7} + \dots + \frac{2}{95.97} + \frac{2}{97.99} \right)$$

$$C = \frac{3}{2} \left(1 - \frac{1}{3} + \frac{1}{3} - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{7} + \dots + \frac{1}{95} - \frac{1}{97} + \frac{1}{97} - \frac{1}{99} \right)$$

$$C = \frac{3}{2} \left(1 - \frac{1}{99} \right)$$

$$C = \frac{3}{2} \cdot \frac{98}{99}$$

$$C = \frac{49}{33}.$$

Vậy $C = \frac{49}{33}.$

ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MÔN: TOÁN – LỚP 6

ĐỀ SỐ 04

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

STT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								Tổng			
			TNKQ				Tự luận					Tỉ lệ % điểm		
			Nhiều lựa chọn	Đúng - Sai		Trả lời ngắn								
			Biết	Biết	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng
1	Chương VI. Phân số	Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau. So sánh hai phân số. Hỗn số dương	4											37,5%
		Các phép cộng, trừ,	1				1			1				

		<i>nhân, chia phân số.</i>	<i>0,25đ</i>				<i>0,5đ</i>			<i>0,5đ</i>				
		<i>Hai bài toán về phân số.</i>							<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ, MHH 1,0đ</i>				
2	Chương VII. Số thập phân	<i>Số thập phân. Tính toán với số thập phân. Làm tròn và ước lượng</i>	<i>3 TD, GTTH 0,75đ</i>				<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>				5	2	2	27,5%
		<i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm.</i>		<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>							
3	Chương VIII. Những hình hình	<i>Điểm và đường thẳng. Điểm nằm giữa hai điểm. Tia</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>					6	3	2	35%

học cơ bản	<i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng</i>	2 TD, GTTH 0,5đ				1 TD, GQVĐ 0,5đ		1 TD, GQVĐ 0,5đ	1 TD, GQVĐ 0,5đ				
Tổng số câu		12	4	2	2	3	1	2	3	16	7	6	100%
Tổng số điểm		3,0	2,0			2,0		3,0		4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %		30%	20%			20%		30%		40%	30%	30%	100%

Lưu ý:

– Các dạng thức trắc nghiệm gồm:

+ Dạng thức 1: Dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, mỗi câu cho 04 phương án, chọn 01 phương án đúng. Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

+ Dạng thức 2: Dạng câu hỏi trắc nghiệm Đúng/Sai, mỗi câu hỏi có 04 ý với tối đa là 1 điểm/câu, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai. Nếu thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu được 0,1 điểm; 02 ý trong 1 câu được 0,25 điểm; 03 ý trong một câu được 0,5 điểm và chọn chính xác cả 04 ý trong câu được 1 điểm.

+ Dạng thức 3: Dạng câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn, với mỗi câu hỏi, viết câu trả lời/ đáp án vào bài thi. Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

– Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

		<p><i>Các phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.</i></p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 5					Câu 15			Bài 3
		<p><i>Hai bài toán về phân số.</i></p> <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai bài toán về phân số. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được các giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...) 								Bài 1.1	Bài 1.2

2	Chương VII. Số thập phân	<p><i>Số thập phân.</i></p> <p><i>Tính toán với số thập phân.</i></p> <p><i>Làm tròn và ước lượng</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của số thập phân. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. - Thực hiện ước lượng và làm tròn được số thập phân. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 6, Câu 7, Câu 8				Câu 16		
		<p><i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm</i></p>	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. - Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. 	Câu 13a, Câu 13b	Câu 13c	Câu 13d	Câu 17			

			Vận dụng: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hóa học,...)								
3	Chương VIII. Những hình hình học cơ bản	<i>Điểm và đường thẳng.</i> <i>Điểm nằm giữa hai điểm. Tia.</i>	Nhận biết: - Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề và đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. - Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. - Nhận biết được khái niệm tia.	Câu 9, Câu 10,	Câu 14a, Câu 14b	Câu 14c	Câu 14d				
		<i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.</i> <i>Trung</i>	Nhận biết: - Trình bày được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài của đoạn thẳng. Thông hiểu:	Câu 11, Câu 12					Câu 18	Bài 2a	Bài 2b

	<i>điểm của đoạn thẳng</i>	- Biểu diễn được trung điểm của một đoạn thẳng. - Tính được độ dài của đoạn thẳng.								
	Tổng số câu	29	12	4	2	2	3	1	2	3
	Tổng số điểm	10	3,0	2,0			2,0		3,0	
	Tỉ lệ %	100%	30%	20%			20%		30%	

C. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...
TRƯỜNG ...

MÃ ĐỀ MT104

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN – LỚP 6

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

- A. $\frac{4}{-2,5}$. B. $\frac{6,23}{1,68}$. C. $\frac{0}{-2}$. D. $\frac{-5}{0}$.

Câu 2. Hai phân số $\frac{c}{d}$ và $\frac{m}{n}$ (c, d, m, n là các số nguyên khác 0) gọi là bằng nhau nếu

- A. $c.m = d.n$. B. $c.n = d.m$. C. $c.d = m.n$. D. $c : n = d : m$.

Câu 3. Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{3}{2}$?

- A. $\frac{25}{20}$. B. $\frac{24}{16}$. C. $\frac{75}{10}$. D. $\frac{4}{6}$.

Câu 4. Hỗn số $7\frac{3}{11}$ được viết dưới dạng phân số là

- A. $\frac{77}{14}$. B. $\frac{21}{11}$. C. $\frac{10}{11}$. D. $\frac{80}{11}$.

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{-7}{6} + \frac{11}{6}$ là

- A. $\frac{5}{6}$. B. $\frac{4}{3}$. C. $\frac{2}{3}$. D. $\frac{-2}{3}$.

Câu 6. Viết số thập phân $-0,75$ về dạng phân số ta được

- A. $\frac{75}{100}$. B. $\frac{3}{4}$. C. $\frac{-3}{4}$. D. $\frac{-100}{75}$.

Câu 7. Số $-5,132$ có phần số nguyên là

- A. 5. B. -5. C. 132. D. -132.

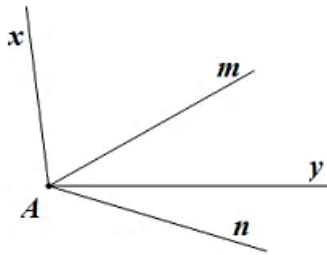
Câu 8. Điền dấu thích hợp vào chỗ trống $0,789\dots0,789000$.

- A. $>$. B. $<$. C. $=$. D. \geq .

Câu 9. Điểm M không thuộc đường thẳng d được kí hiệu là

- A. $M \in d$. B. $M \notin d$. C. $M \not\subset d$. D. $d \in M$.

Câu 10. Cho hình vẽ sau:



Số tia gốc A có trong hình vẽ là

- A. 2 tia. B. 4 tia. C. 1 tia. D. 6 tia.

Câu 11. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Trung điểm của đoạn thẳng là điểm nằm giữa hai đầu mút của đoạn thẳng và...”

- A. chia đoạn thẳng thành hai phần bằng nhau.
 B. chia đoạn thẳng thành ba phần bằng nhau.
 C. chia đoạn thẳng thành hai phần không bằng nhau.
 D. chia đoạn thẳng thành ba phần không bằng nhau.

Câu 12. Cho ba điểm A, M, B thẳng hàng có $AM = 2$ cm, $AB = 4$ cm. Khi đó

- A. M là trung điểm của AB . B. A là trung điểm của MB .
 C. B là trung điểm của AM . D. $AM > MB$.

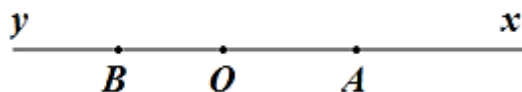
Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Lượng nước trong hạt tươi là 16%. Người ta lấy 200 kg hạt tươi đem phơi khô thì lượng hạt đó giảm đi 20 kg. (Kết quả làm tròn đến hàng phần mười)

- a) Lượng hạt đã phơi khô còn lại là 180 kg.
 b) Lượng nước trong hạt tươi ban đầu là 32 kg.
 c) Sau khi phơi khô 200 kg hạt tươi thì lượng hạt đó nhẹ đi 20 kg nên lượng nước còn lại trong hạt phơi khô là 52 kg.
 d) Tỷ số phần trăm của lượng nước trong hạt phơi khô khoảng 17,8%.

Câu 14. Cho tia Ox như hình vẽ dưới đây. Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox . Vẽ điểm A thuộc tia Ox và điểm B thuộc tia Oy ($A, B \neq O$).



- a) Tia Ax là tia đối của tia Ay .
- b) Tia Bx trùng với tia By .
- c) Tia BO, BA trùng với tia Bx .
- d) Điểm O chỉ thuộc các tia Ay, Bx .

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $x + \frac{4}{5} = 1\frac{3}{10} - \frac{7}{10}$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Câu 16. Tìm giá trị của x , biết: $x - 5,1 = (15,7 + 2,3) \cdot 2$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Câu 17. Bố Lan gửi 100 000 000 đồng vào ngân hàng, sau một năm bố Lan lấy về được 106 000 000 đồng. Hỏi bố Lan đã gửi ngân hàng với lãi suất bao nhiêu phần trăm một tháng?

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Câu 18. Trên tia Ot vẽ các đoạn thẳng $OA = 2$ cm, $OB = 3OA$. Trên tia đối của tia Ot vẽ đoạn thẳng $OC = OB$. Hỏi độ dài của đoạn thẳng AC bằng bao nhiêu centimet?

Trả lời:

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. Biết rằng $\frac{3}{5}$ của một số là 27. Tìm 40% của số đó.

2. Lớp 6A của một trường THCS có 40 học sinh và được xếp loại: Giỏi, Khá, Trung bình. Biết số học sinh khá bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh cả lớp, số học sinh giỏi bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh còn lại. Tính số học sinh trung bình của lớp 6A.

Bài 2. (1,0 điểm) Vẽ tia Ox . Trên tia Ox lấy điểm A và B sao cho $OA = 5$ cm, $OB = 10$ cm.

a) Chứng minh điểm A là trung điểm của đoạn thẳng OB .

b) Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox . Trên tia Oy lấy điểm C sao cho $OC = 4$ cm. Tính BC .

Bài 3. (0,5 điểm) So sánh hai biểu thức A và B biết:

$$A = \frac{1}{1.4} + \frac{2}{4.10} + \frac{3}{10.19} + \frac{4}{19.31} \quad \text{và} \quad B = \frac{2}{1.5} + \frac{3}{5.11} + \frac{4}{11.19} + \frac{5}{19.29} + \frac{6}{29.41}.$$

D. ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TRƯỜNG ...

MÔN: TOÁN – LỚP 6

MÃ ĐỀ MT104

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**BẢNG ĐÁP ÁN**

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	C	B	B	D	C	C
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	C	A	B	A	A
Câu	13	14	15	16	17	18
Đáp án	Đ Đ S S	Đ S Đ S	-0,2	41,1	0,5	8

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào cho ta phân số?

A. $\frac{4}{-2,5}$.

B. $\frac{6,23}{1,68}$.

C. $\frac{0}{-2}$.

D. $\frac{-5}{0}$.

Hướng dẫn giải**Đáp án đúng là: C**

Ta có $0; -2 \in \mathbb{Z}$ và $-2 \neq 0$ suy ra $\frac{0}{-2}$ là một phân số.

Câu 2. Hai phân số $\frac{c}{d}$ và $\frac{m}{n}$ (c, d, m, n là các số nguyên khác 0) gọi là bằng nhau nếu

A. $c.m = d.n$.

B. $c.n = d.m$.

C. $c.d = m.n$.

D. $c : n = d : m$.

Hướng dẫn giải**Đáp án đúng là: B**

Hai phân số $\frac{c}{d}$ và $\frac{m}{n}$ (c, d, m, n là các số nguyên khác 0) gọi là bằng nhau nếu $c.n = d.m$.

Câu 3. Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{3}{2}$?

A. $\frac{25}{20}$.

B. $\frac{24}{16}$.

C. $\frac{75}{10}$.

D. $\frac{4}{6}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Ta có: $\frac{24}{16} = \frac{24:8}{16:8} = \frac{3}{2}$.

Câu 4. Hỗn số $7\frac{3}{11}$ được viết dưới dạng phân số là

- A. $\frac{77}{14}$. B. $\frac{21}{11}$. C. $\frac{10}{11}$. D. $\frac{80}{11}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: D

Ta có: $7\frac{3}{11} = 7 + \frac{3}{11} = \frac{77}{11} + \frac{3}{11} = \frac{80}{11}$.

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{-7}{6} + \frac{11}{6}$ là

- A. $\frac{5}{6}$. B. $\frac{4}{3}$. C. $\frac{2}{3}$. D. $\frac{-2}{3}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Ta có: $\frac{-7}{6} + \frac{11}{6} = \frac{-7+11}{6} = \frac{4}{6} = \frac{2}{3}$.

Câu 6. Viết số thập phân $-0,75$ về dạng phân số ta được

- A. $\frac{75}{100}$. B. $\frac{3}{4}$. C. $\frac{-3}{4}$. D. $\frac{-100}{75}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Ta có: $-0,75 = \frac{-75}{100} = \frac{-3}{4}$.

Câu 7. Số $-5,132$ có phần số nguyên là

- A. 5. B. -5. C. 132. D. -132.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Số thập phân $-5,132$ có phần nguyên là -5 .

Câu 8. Điền dấu thích hợp vào chỗ trống $0,789\dots0,789000$.

- A. $>$. B. $<$. C. $=$. D. \geq .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Ta có: $0,789 = 0,789000$.

Câu 9. Điểm M không thuộc đường thẳng d được kí hiệu là

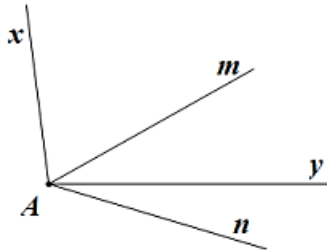
- A. $M \in d$. B. $M \notin d$. C. $M \not\subset d$. D. $d \in M$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

M không thuộc đường thẳng d được kí hiệu là $M \notin d$.

Câu 10. Cho hình vẽ sau:



Số tia góc A có trong hình vẽ là

- A. 2 tia. B. 4 tia. C. 1 tia. D. 6 tia.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Số tia góc A có trong hình vẽ là: Ax, Am, Ay, An .

Vậy có 4 tia có gốc A trong hình vẽ.

Câu 11. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống: “Trung điểm của đoạn thẳng là điểm nằm giữa hai đầu mút của đoạn thẳng và...”

- A. chia đoạn thẳng thành hai phần bằng nhau.
B. chia đoạn thẳng thành ba phần bằng nhau.
C. chia đoạn thẳng thành hai phần không bằng nhau.
D. chia đoạn thẳng thành ba phần không bằng nhau.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Trung điểm của đoạn thẳng là điểm nằm giữa hai đầu mút của đoạn thẳng và chia đoạn thẳng thành hai phần bằng nhau.

Câu 12. Cho ba điểm A, M, B thẳng hàng có $AM = 2$ cm, $AB = 4$ cm. Khi đó

- A. M là trung điểm của AB . B. A là trung điểm của MB .
C. B là trung điểm của AM . D. $AM > MB$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Ta có A, M, B thẳng hàng và $AM = \frac{1}{2} AB$.

Do đó, M là trung điểm của AB .

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Lượng nước trong hạt tươi là 16%. Người ta lấy 200 kg hạt tươi đem phơi khô thì lượng hạt đó giảm đi 20 kg. (Kết quả làm tròn đến hàng phần mười)

- a) Lượng hạt đã phơi khô còn lại là 180 kg.
- b) Lượng nước trong hạt tươi ban đầu là 32 kg.
- c) Sau khi phơi khô 200 kg hạt tươi thì lượng hạt đó nhẹ đi 20 kg nên lượng nước còn lại trong hạt phơi khô là 52 kg.
- d) Tỉ số phần trăm của lượng nước trong hạt phơi khô khoảng 17,8%.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) **Đ** b) **Đ** c) **S** d) **S**

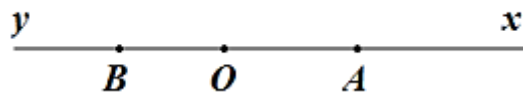
Sau khi phơi khô 200 kg hạt tươi thì lượng hạt đó nhẹ đi 20 kg nên lượng hạt đã phơi khô còn lại là $200 - 20 = 180$ kg.

Lượng nước trong hạt tươi ban đầu là $200 \cdot 16\% = 32$ (kg)

Sau khi phơi khô 200 kg hạt tươi thì lượng hạt đó nhẹ đi 20 kg nên lượng nước còn lại trong hạt phơi khô là $32 - 20 = 12$ (kg).

Do đó, tỉ số phần trăm của lượng nước trong hạt phơi khô là: $\frac{12}{180} \cdot 100 \approx 6,7\%$

Câu 14. Cho tia Ox như hình vẽ dưới đây. Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox . Vẽ điểm A thuộc tia Ox và điểm B thuộc tia Oy ($A, B \neq O$).



- a) Tia Ax là tia đối của tia Ay .
- b) Tia Bx trùng với tia By .
- c) Tia BO, BA trùng với tia Bx .
- d) Điểm O chỉ thuộc các tia Ay, Bx .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) **Đ** b) **S** c) **Đ** d) **S**

Quan sát hình vẽ, ta có:

- a) Tia Ax là tia đối của tia Ay .
- b) Tia Bx và tia By là hai tia đối.
- c) Tia BO, BA trùng với tia Bx .
- d) Điểm O thuộc các tia Ay, Bx, Oy, Ox .

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $x + \frac{4}{5} = 1\frac{3}{10} - \frac{7}{10}$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: -0,2

$$x + \frac{4}{5} = 1\frac{3}{10} - \frac{7}{10}$$

$$x + \frac{4}{5} = \frac{13}{10} - \frac{7}{10}$$

$$x + \frac{4}{5} = \frac{6}{10}$$

$$x = \frac{6}{10} - \frac{4}{5}$$

$$x = -\frac{1}{5} \text{ hay } x = -0,2.$$

Vậy $x = -0,2$.

Câu 16. Tìm giá trị của x , biết: $x - 5,1 = (15,7 + 2,3) \cdot 2$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 41,1

Ta có: $x - 5,1 = (15,7 + 2,3) \cdot 2$

$$x - 5,1 = 18,2$$

$$x - 5,1 = 36$$

$$x = 36 + 5,1$$

$$x = 41,1.$$

Vậy $x = 41,1$.

Câu 17. Bố Lan gửi 100 000 000 đồng vào ngân hàng, sau một năm bố Lan lấy về được 106 000 000 đồng. Hỏi bố Lan đã gửi ngân hàng với lãi suất bao nhiêu phần trăm một tháng?

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 0,5

Số tiền lãi bố Lan gửi ngân hàng một năm là:

$$106\ 000\ 000 - 100\ 000\ 000 = 6\ 000\ 000 \text{ (đồng)}$$

$$\text{Lãi suất một năm gửi ngân hàng là: } \frac{6\ 000\ 000}{100\ 000\ 000} \cdot 100\% = 6\%$$

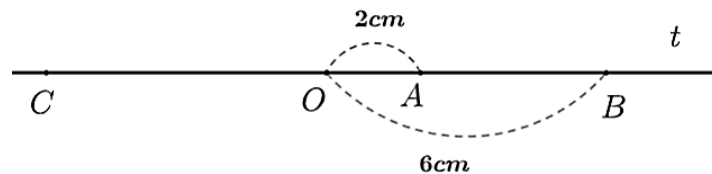
$$\text{Lãi suất một tháng gửi ngân hàng là: } \frac{6\%}{12} = 0,5\% .$$

Câu 18. Trên tia Ot vẽ các đoạn thẳng $OA = 2\text{ cm}$, $OB = 3OA$. Trên tia đối của tia Ot vẽ đoạn thẳng $OC = OB$. Hỏi độ dài của đoạn thẳng AC bằng bao nhiêu centimet?

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 8



Ta có: $OB = 3OA = 3 \cdot 2 = 6$ (cm).

Hai điểm A, B cùng thuộc tia Ot và $OA < OB$ nên điểm A nằm giữa hai điểm O và B .

Do đó, $OA + AB = OB$ hay $AB = OB - OA = 6 - 2 = 4$ (cm).

Lại có điểm C thuộc tia đối của tia Ot và $OC = OB$ nên điểm O nằm giữa hai điểm B và C .

Có $OC = OB = 6$ cm.

Điểm $A \in Ot$, C thuộc tia đối của tia Ot nên O nằm giữa A và C .

Do đó, $OA + OC = AC$ hay $AC = 2 + 6 = 8$ (cm).

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. Biết rằng $\frac{3}{5}$ của một số là 27. Tìm 40% của số đó.

2. Lớp 6A của một trường THCS có 40 học sinh và được xếp loại: Giỏi, Khá, Trung bình. Biết số học sinh khá bằng $\frac{3}{5}$ số học sinh cả lớp, số học sinh giỏi bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh còn lại. Tính số học sinh trung bình của lớp 6A.

Hướng dẫn giải

1. Số đó là: $27 : \frac{3}{5} = 45$.

Vậy 40% của số đó là: $40\% \cdot 45 = 18$.

2.

Số học sinh khá của lớp đó là: $\frac{3}{5} \cdot 40 = 24$ (học sinh)

Số học sinh giỏi và trung bình của lớp 6A là: $40 - 24 = 16$ (học sinh)

Số học sinh giỏi của lớp 6A là: $\frac{3}{4} \cdot 16 = 12$ (học sinh)

Số học sinh trung bình của lớp 6A là: $16 - 12 = 4$ (học sinh)

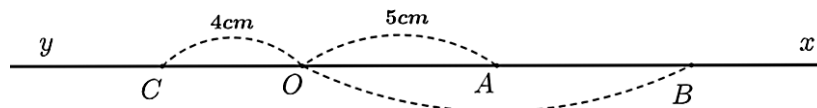
Vậy lớp 6A có 4 học sinh trung bình.

Bài 2. (1,0 điểm) Vẽ tia Ox . Trên tia Ox lấy điểm A và B sao cho $OA = 5$ cm, $OB = 10$ cm.

a) Chứng minh điểm A là trung điểm của đoạn thẳng OB .

b) Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox . Trên tia Oy lấy điểm C sao cho $OC = 4$ cm. Tính BC .

Hướng dẫn giải



a) Trên tia Ox có $OA < OB$ nên điểm A nằm giữa O, B . (1)

Do đó, $OA + AB = OB$ hay $AB = OB - OA = 10 - 5 = 5$ cm.

Suy ra $OA = AB = 5$ cm (2)

Từ (1) và (2) suy ra A là trung điểm của đoạn OB .

b) Vì tia Oy là tia đối của tia Ox và C nằm trên tia Oy , B nằm trên tia Ox nên O nằm giữa hai điểm C và B .

Do đó, $CO + OB = CB$ hay $BC = 4 + 10 = 14$ cm.

Vậy $BC = 14$ cm.

Bài 3. (0,5 điểm) So sánh hai biểu thức A và B biết:

$$A = \frac{1}{1.4} + \frac{2}{4.10} + \frac{3}{10.19} + \frac{4}{19.31} \text{ và } B = \frac{2}{1.5} + \frac{3}{5.11} + \frac{4}{11.19} + \frac{5}{19.29} + \frac{6}{29.41}$$

Hướng dẫn giải

$$\text{Ta có: } A = \frac{1}{1.4} + \frac{2}{4.10} + \frac{3}{10.19} + \frac{4}{19.31}$$

$$3A = \frac{3}{1.4} + \frac{6}{4.10} + \frac{9}{10.19} + \frac{12}{19.31}$$

$$3A = 1 - \frac{1}{4} + \frac{1}{4} - \frac{1}{10} + \frac{1}{10} - \frac{1}{19} + \frac{1}{19} - \frac{1}{31}$$

$$3A = 1 - \frac{1}{31}$$

$$3A = \frac{30}{31}$$

$$\text{Do đó, } A = \frac{10}{31}.$$

$$\text{Ta có: } B = \frac{2}{1.5} + \frac{3}{5.11} + \frac{4}{11.19} + \frac{5}{19.29} + \frac{6}{29.41}.$$

$$2B = \frac{4}{1.5} + \frac{6}{5.11} + \frac{8}{11.19} + \frac{10}{19.29} + \frac{12}{29.41}$$

$$2B = 1 - \frac{1}{5} + \frac{1}{5} - \frac{1}{11} + \frac{1}{11} - \frac{1}{19} + \frac{1}{19} - \frac{1}{29} + \frac{1}{29} - \frac{1}{41}$$

$$2B = 1 - \frac{1}{41}$$

$$2B = \frac{40}{41}$$

$$\text{Do đó, } B = \frac{20}{41}.$$

$$\text{Ta có: } \frac{10}{31} = \frac{20}{62} < \frac{20}{41}, \text{ do đó } A < B.$$

Vậy $A < B$.

ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II – BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MÔN: TOÁN – LỚP 6

ĐỀ SỐ 05

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

STT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								Tổng			
			TNKQ						Tự luận					Tỉ lệ % điểm
			Nhiều lựa chọn	Đúng - Sai		Trả lời ngắn								
Biết	Biết	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Tổng			
1	Chương VI. Phân số	Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau. So sánh hai phân số. Hỗn số dương	4											37,5%
		Các phép cộng, trừ,	1				1			1				

		<i>nhân, chia phân số.</i>	<i>TD, GTTH 0,25đ</i>				<i>TD, GQVĐ 0,5đ</i>			<i>TD, GQVĐ 0,5đ</i>				
		<i>Hai bài toán về phân số.</i>							<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ, MHH 1,0đ</i>				
2	Chương VII. Số thập phân	<i>Số thập phân. Tính toán với số thập phân. Làm tròn và ước lượng</i>	<i>3 TD, GTTH 0,75đ</i>				<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>				5	2	2	27,5%
		<i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm.</i>		<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>	<i>1 TD, GQVĐ 0,25đ</i>		<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>						
3	Chương VIII. Những hình	<i>Điểm và đường thẳng. Điểm nằm giữa</i>	<i>2 TD, GTTH 0,5đ</i>						<i>1 TD, GQVĐ 0,5đ</i>		6	3	2	35%

hình học cơ bản	<i>hai điểm. Tia</i>												
	<i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng. Trung điểm của đoạn thẳng</i>	2 <i>TD, GTTH</i> 0,5đ	2 <i>TD, GTTH</i> 0,5đ	1 <i>TD, GQVĐ</i> 0,25đ	1 <i>TD, GQVĐ</i> 0,25đ	1 <i>TD, GQVĐ</i> 0,5đ			1 <i>TD, GQVĐ</i> 0,5đ				
Tổng số câu		12	4	2	2	3	1	2	3	16	7	6	100%
Tổng số điểm		3,0	2,0			2,0		3,0		4,0	3,0	3,0	10
Tỉ lệ %		30%	20%			20%		30%		40%	30%	30%	100%

Lưu ý:

– Các dạng thức trắc nghiệm gồm:

+ *Dạng thức 1: Dạng câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, mỗi câu cho 04 phương án, chọn 01 phương án đúng. Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.*

+ *Dạng thức 2: Dạng câu hỏi trắc nghiệm Đúng/Sai, mỗi câu hỏi có 04 ý với tối đa là 1 điểm/câu, tại mỗi ý thí sinh lựa chọn đúng hoặc sai. Nếu thí sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 1 câu được 0,1 điểm; 02 ý trong 1 câu được 0,25 điểm; 03 ý trong một câu được 0,5 điểm và chọn chính xác cả 04 ý trong câu được 1 điểm.*

+ *Dạng thức 3: Dạng câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn, với mỗi câu hỏi, viết câu trả lời/ đáp án vào bài thi. Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.*

– *Số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.*

B. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

STT	Chủ đề/Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá							
				TNKQ						Tự luận	
				Nhiều lựa chọn	Đúng - Sai			Trả lời ngắn			
					Biết	Biết	Hiểu	Vận dụng	Hiểu	Vận dụng	Hiểu
1	Chương VI. Phân số	Mở rộng khái niệm phân số. Phân số bằng nhau. So sánh hai phân số. Hỗn số dương	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được phân số với tử số là số nguyên âm. - Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số. - Nhận biết được hỗn số dương. - Nhận biết được số đối của phân số. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được tính chất cơ bản của phân số. - So sánh được hai phân số cho trước. 	Câu 1, Câu 2, Câu 3, Câu 4							

		<p><i>Các phép cộng, trừ, nhân, chia phân số.</i></p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 5					Câu 15			Bài 3
		<p><i>Hai bài toán về phân số.</i></p> <p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hai bài toán về phân số. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được các giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...) 								Bài 1.1	Bài 1.2

2	Chương VII. Số thập phân	<p><i>Số thập phân.</i></p> <p><i>Tính toán với số thập phân.</i></p> <p><i>Làm tròn và ước lượng</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được số thập phân âm, số đối của số thập phân. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh được hai số thập phân cho trước. - Thực hiện được phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân. - Thực hiện ước lượng và làm tròn được số thập phân. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí) 	Câu 6, Câu 7, Câu 8				Câu 16		
		<p><i>Một số bài toán về tỉ số và tỉ số phần trăm</i></p>	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng. - Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó. 	Câu 13a, Câu 13b	Câu 13c	Câu 13d	Câu 17			

			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hóa học,...) 								
3	<p>Chương VIII.</p> <p>Những hình hình học cơ bản</p>	<p><i>Điểm và đường thẳng.</i></p> <p><i>Điểm nằm giữa hai điểm. Tia.</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm, đường thẳng; điểm thuộc đường thẳng; điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề và đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt. - Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm. - Nhận biết được khái niệm tia. 	Câu 9, Câu 10,							
		<p><i>Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng.</i></p> <p><i>Trung</i></p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài của đoạn thẳng. <p>Thông hiểu:</p>	Câu 11, Câu 12	Câu 14a, Câu 14b	Câu 14c	Câu 14d	Câu 18	Bài 2a	Bài 2b	

	<i>điểm của đoạn thẳng</i>	- Biểu diễn được trung điểm của một đoạn thẳng. - Tính được độ dài của đoạn thẳng.								
	Tổng số câu	29	12	4	2	2	3	1	2	3
	Tổng số điểm	10	3,0	2,0			2,0		3,0	
	Tỉ lệ %	100%	30%	20%			20%		30%	

C. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...
TRƯỜNG ...

MÃ ĐỀ MT105

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN: TOÁN – LỚP 6

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào không phải là phân số?

- A. $\frac{12}{-13}$ B. $\frac{-18}{19}$ C. $\frac{0}{-12}$ D. $\frac{0}{-1,3}$

Câu 2. Nếu $\frac{x}{-3} = \frac{-45}{15}$ thì giá trị của x là

- A. 9. B. 15. C. 3. D. -9.

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{-32}{60}$ đến tối giản ta được

- A. $\frac{-16}{30}$ B. $\frac{-8}{15}$ C. $\frac{8}{15}$ D. $\frac{16}{30}$

Câu 4. Hỗn số $5\frac{7}{9}$ được đọc là

- A. Năm, bảy phần chín. B. Năm nhân bảy phần chín.
C. Năm cộng bảy phần chín. D. Năm và bảy phần chín.

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{1}{6} + (-1) + \frac{5}{6}$ là

- A. 0. B. 1. C. 2. D. $\frac{2}{3}$

Câu 6. “Âm năm phẩy tám mươi ba” là cách đọc của số nào sau đây?

- A. -5,083. B. -5,83. C. -5,803. D. -5,38.

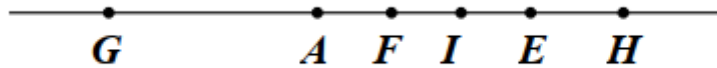
Câu 7. Số đối của số thập phân $-100,57$ là

- A. $\frac{57}{100}$ B. 100,57. C. $\frac{-100}{57}$ D. 57,100.

Câu 8. Số tự nhiên lớn nhất thỏa mãn $x < 9,57$ là

- A. 9,56. B. 9,5. C. 8. D. 9.

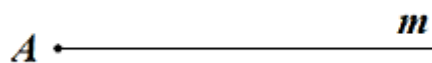
Câu 9. Cho hình vẽ dưới đây.



Điểm A và H nằm cùng phía đối với điểm nào?

- A. Điểm E . B. Điểm G . C. Điểm F . D. Điểm I .

Câu 10. Đọc tên tia trong hình vẽ sau:



- A. Tia mA . B. Tia Am . C. Tia A . D. Tia m .

Câu 11. Chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau:

A. Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì điểm M nằm giữa hai điểm A và B .

B. Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì $MA = MB = \frac{1}{2} AB$.

C. Nếu $MA = MB$ thì điểm M là trung điểm của đoạn AB .

D. Nếu $MA = MB$ và M nằm giữa hai điểm A và B thì M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

Câu 12. Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB . Biết $AB = 10$ cm, số đo của đoạn thẳng IB là

- A. 5 cm. B. 10 cm. C. 20 cm. D. 2 cm.

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Vào tháng 9, giá bán một chiếc máy tính là 24 000 000 đồng. Đến tháng 10, cửa hàng tăng giá lên 20%. Đến tháng 11, cửa hàng giảm 20% giá của tháng 10.

- a) Tháng 10, cửa hàng đã tăng thêm 4 800 000 đồng so với giá tháng 9.
- b) Tháng 10 cửa hàng bán máy tính với giá 28 800 000 đồng.
- c) Tháng 11, cửa hàng đã giảm 4 800 000 đồng so với giá tháng 10.
- d) Giá bán của chiếc máy tính đó vào tháng 11 đắt hơn tháng 9.

Câu 14. Cho hai tia Ox và Oy đối nhau, trên tia Ox lấy hai điểm A và M sao cho $OA = 5$ cm, $OM = 1$ cm trên tia Oy lấy điểm B sao cho $OB = 3$ cm.

a) Điểm M nằm giữa hai điểm O và A .

b) Điểm O nằm giữa hai điểm M và B .

c) $MA = 4$ cm.

d) M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $5\frac{1}{4} + \frac{5}{4}x = -3$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Câu 16. Tìm giá trị của x , biết: $53,2 : (x - 3,5) + 45,8 = 99$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Câu 17. Một mảnh vườn có diện tích 374 m² được chia làm hai mảnh. Tỉ số diện tích giữa mảnh nhỏ và mảnh lớn là $37,5\%$. Hỏi diện tích của mảnh lớn là bao nhiêu mét vuông?

Trả lời:

Câu 18. Trên tia Ot vẽ đoạn thẳng $OB = 6$ cm. Trên tia đối của tia Ot lấy điểm A, C sao cho $3OA = OB$ và $2OC = OB$. Hỏi độ dài đoạn thẳng AC bằng bao nhiêu centimet?

Trả lời:

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. Một tấm vải bớt đi 9 m thì còn lại $\frac{7}{10}$ tấm vải. Hỏi tấm vải đó dài bao nhiêu mét?

2. Một trường THCS có 1 200 học sinh, trong đó số học sinh giỏi chiếm $\frac{1}{3}$ học sinh toàn khối, số học sinh khá chiếm $\frac{1}{4}$ số học sinh toàn trường, còn lại là số học sinh trung bình và yếu. Biết số học sinh yếu bằng $\frac{1}{5}$ tổng số học sinh trung bình và yếu. Tìm số học sinh trung bình và học sinh yếu của trường đó.

Bài 2. (1,0 điểm) Trên tia Ax lấy hai điểm B và C sao cho $AB = 8$ cm, $AC = 6$ cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng BC .

b) Trên tia đối của tia CB lấy điểm E sao cho C là trung điểm của BE . Chứng minh E là trung điểm của đoạn AB .

Bài 3. (0,5 điểm) Cho $A = 92 - \frac{1}{9} - \frac{2}{10} - \frac{3}{11} - \dots - \frac{92}{100}$ và $B = \frac{1}{45} + \frac{1}{50} + \frac{1}{55} + \dots + \frac{1}{500}$. Tính $\frac{A}{B}$.

D. ĐÁP ÁN – HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II – TOÁN 6

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO ...

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TRƯỜNG ...

MÔN: TOÁN – LỚP 6

MÃ ĐỀ MT105

NĂM HỌC: ... – ...

Thời gian: 90 phút

(không kể thời gian giao đề)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)**BẢNG ĐÁP ÁN**

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	A	B	A	A	B
Câu	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	B	B	C	A
Câu	13	14	15	16	17	18
Đáp án	Đ Đ S S	Đ Đ Đ Đ	-6,6	4,5	272	1

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 1. Trong các cách viết sau đây, cách viết nào không phải là phân số?

- A. $\frac{12}{-13}$ B. $\frac{-18}{19}$ C. $\frac{0}{-12}$ D. $\frac{0}{-1,3}$

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: D

Do $-1,3 \notin \mathbb{Z}$ do đó $\frac{0}{-1,3}$ không phải là một phân số.

Câu 2. Nếu $\frac{x}{-3} = \frac{-45}{15}$ thì giá trị của x là

- A. 9. B. 15. C. 3. D. -9.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Ta có: $\frac{x}{-3} = \frac{-45}{15}$ nên $15x = (-3) \cdot (-45)$ hay $x = \frac{(-3) \cdot (-45)}{15} = 9$.

Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{-32}{60}$ đến tối giản ta được

A. $\frac{-16}{30}$.

B. $\frac{-8}{15}$.

C. $\frac{8}{15}$.

D. $\frac{16}{30}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Ta có: $\frac{-32}{60} = \frac{-32:4}{60:4} = \frac{-8}{15}$.

Câu 4. Hỗn số $5\frac{7}{9}$ được đọc là

A. Năm, bảy phần chín.

B. Năm nhân bảy phần chín.

C. Năm cộng bảy phần chín.

D. Năm và bảy phần chín.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Hỗn số $5\frac{7}{9}$ được đọc là năm, bảy phần chín.

Câu 5. Kết quả của phép tính $\frac{1}{6} + (-1) + \frac{5}{6}$ là

A. 0.

B. 1.

C. 2.

D. $\frac{2}{3}$.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Ta có: $\frac{1}{6} + (-1) + \frac{5}{6} = \frac{1}{6} + \frac{5}{6} + (-1) = 1 + (-1) = 0$.

Câu 6. “Âm năm phẩy tám mươi ba” là cách đọc của số nào sau đây?

A. -5,083.

B. -5,83.

C. -5,803.

D. -5,38.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

“Âm năm phẩy tám mươi ba” là cách đọc của số -5,83.

Câu 7. Số đối của số thập phân -100,57 là

A. $\frac{57}{100}$.

B. 100,57.

C. $\frac{-100}{57}$.

D. 57,100.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Số đối của số thập phân $-100,57$ là $100,57$.

Câu 8. Số tự nhiên lớn nhất thỏa mãn $x < 9,57$ là

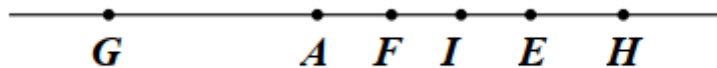
- A. 9,56. B. 9,5. C. 8. D. 9.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: D

Số tự nhiên lớn nhất thỏa mãn $x < 9,57$ là 9.

Câu 9. Cho hình vẽ dưới đây.



Điểm A và H nằm cùng phía đối với điểm nào?

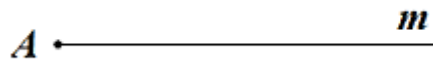
- A. Điểm E . B. Điểm G . C. Điểm F . D. Điểm I .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Điểm A và H nằm cùng phía đối với điểm G .

Câu 10. Đọc tên tia trong hình vẽ sau:



- A. Tia mA . B. Tia Am . C. Tia A . D. Tia m .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: B

Hình vẽ trên biểu diễn tia Am .

Câu 11. Chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau:

- A. Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì điểm M nằm giữa hai điểm A và B .
- B. Nếu M là trung điểm của đoạn thẳng AB thì $MA = MB = \frac{1}{2} AB$.
- C. Nếu $MA = MB$ thì điểm M là trung điểm của đoạn AB .
- D. Nếu $MA = MB$ và M nằm giữa hai điểm A và B thì M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: C

Nếu $MA = MB$ và M nằm giữa hai điểm A và B thì M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

Do đó, khẳng định C là sai.

Câu 12. Cho I là trung điểm của đoạn thẳng AB . Biết $AB = 10$ cm, số đo của đoạn thẳng IB là

- A. 5 cm. B. 10 cm. C. 20 cm. D. 2 cm.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: A

Ta có I là trung điểm của đoạn thẳng AB nên $IA = IB = \frac{1}{2} AB = 5$ cm.

Phần 2. (2,0 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong câu 13, 14, hãy chọn đúng hoặc sai cho mỗi ý a), b), c), d).

Câu 13. Vào tháng 9, giá bán một chiếc máy tính là 24 000 000 đồng. Đến tháng 10, cửa hàng tăng giá lên 20%. Đến tháng 11, cửa hàng giảm 20% giá của tháng 10.

- a) Tháng 10, cửa hàng đã tăng thêm 4 800 000 đồng so với giá tháng 9.
- b) Tháng 10 cửa hàng bán máy tính với giá 28 800 000 đồng.
- c) Tháng 11, cửa hàng đã giảm 4 800 000 đồng so với giá tháng 10.
- d) Giá bán của chiếc máy tính đó vào tháng 11 đắt hơn tháng 9.

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) Đ b) Đ c) S d) S

Tháng 10, cửa hàng đã tăng giá chiếc máy tính đó thêm:

$$24\,000\,000 \cdot 20\% = 4\,800\,000 \text{ (đồng)}.$$

Tháng 10, cửa hàng bán máy tính đó với giá:

$$24\,000\,000 + 4\,800\,000 = 28\,800\,000 \text{ (đồng)}.$$

Tháng 11, cửa hàng giảm giá chiếc máy tính đó là:

$$28\,800\,000 \cdot 20\% = 5\,760\,000 \text{ (đồng)}.$$

Do đó, tháng 11 cửa hàng bán chiếc máy tính đó với giá

$$28\,800\,000 - 5\,760\,000 = 23\,040\,000 \text{ (đồng)}$$

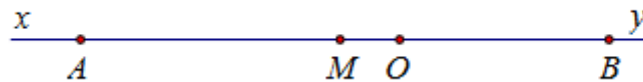
Vậy giá bán của chiếc máy tính đó vào tháng 9 đắt hơn tháng 11.

Câu 14. Cho hai tia Ox và Oy đối nhau, trên tia Ox lấy hai điểm A và M sao cho $OA = 5$ cm, $OM = 1$ cm trên tia Oy lấy điểm B sao cho $OB = 3$ cm.

- a) Điểm M nằm giữa hai điểm O và A .
- b) Điểm O nằm giữa hai điểm M và B .
- c) $MA = 4$ cm.
- d) M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: a) **Đ** b) **Đ** c) **Đ** d) **Đ**



Vì $OA = 5$ cm, $OM = 1$ cm hay $OA > OM$ nên điểm M nằm giữa hai điểm O và A .

Suy ra $OM + MA = OA$ hay $MA = OA - OM = 5 - 1 = 4$ (cm).

Ta có: $M \in Ox, B \in Oy$ nên điểm O nằm giữa hai điểm M và B .

Khi đó, $OM + OB = MB$ hay $MB = 1 + 3 = 4$ cm.

Vì điểm M nằm giữa hai điểm A, B và $AM = MB = 4$ cm nên M là trung điểm của đoạn thẳng AB .

Phần 3. (2,0 điểm) Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn

Trong các câu từ 15 đến 18, hãy viết câu trả lời/ đáp án vào bài làm mà không cần trình bày lời giải chi tiết.

Câu 15. Tìm giá trị của x , biết: $5\frac{1}{4} + \frac{5}{4}x = -3$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: $-6,6$

$$\text{Ta có: } 5\frac{1}{4} + \frac{5}{4}x = -3$$

$$\frac{21}{4} + \frac{5}{4}x = -3$$

$$\frac{5}{4}x = -3 - \frac{21}{4}$$

$$\frac{5}{4}x = \frac{-33}{4}$$

$$x = \frac{-33}{4} : \frac{5}{4}$$

$$x = \frac{-33}{4} \cdot \frac{4}{5}$$

$$x = \frac{-33}{5} \text{ hay } x = -6,6.$$

Vậy $x = -6,6$.

Câu 16. Tìm giá trị của x , biết: $53,2 : (x - 3,5) + 45,8 = 99$.

(Kết quả ghi dưới dạng số thập phân)

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 4,5

$$\text{Ta có: } 53,2 : (x - 3,5) + 45,8 = 99$$

$$53,2 : (x - 3,5) = 99 - 45,8$$

$$53,2 : (x - 3,5) = 53,2$$

$$x - 3,5 = 53,2 : 53,2$$

$$x - 3,5 = 1$$

$$x = 1 + 3,5$$

$$x = 4,5.$$

Vậy $x = 4,5$.

Câu 17. Một mảnh vườn có diện tích 374 m^2 được chia làm hai mảnh. Tỉ số diện tích giữa mảnh nhỏ và mảnh lớn là $37,5\%$. Hỏi diện tích của mảnh lớn là bao nhiêu mét vuông?

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án đúng là: 272

Tỉ số diện tích giữa mảnh nhỏ và mảnh lớn là $37,5\% = \frac{37,5}{100} = \frac{3}{8}$.

Tổng tỉ số diện tích mảnh nhỏ và mảnh lớn là $3 + 8 = 11$.

Do đó, diện tích của mảnh lớn là $374 \cdot \frac{8}{11} = 272 \text{ (m}^2\text{)}$.

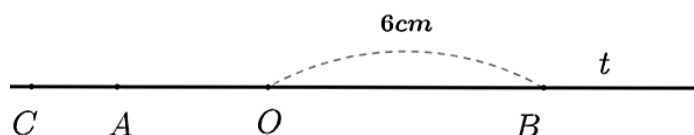
Vậy diện tích mảnh lớn là 272 m^2 .

Câu 18. Trên tia Ot vẽ đoạn thẳng $OB = 6 \text{ cm}$. Trên tia đối của tia Ot lấy điểm A, C sao cho $3OA = OB$ và $2OC = OB$. Hỏi độ dài đoạn thẳng AC bằng bao nhiêu centimet?

Trả lời:

Hướng dẫn giải

Đáp án: 1



Ta có: $3OA = OB$ nên $OA = \frac{OB}{3} = \frac{6}{3} = 2 \text{ cm}$, $2OC = OB$ nên $OC = \frac{OB}{2} = \frac{6}{2} = 3 \text{ cm}$.

Ta có A, C thuộc tia đối của tia Ot và $OA < OC$ nên A nằm giữa O, C .

Do đó, $OA + AC = OC$ nên $AC = OC - OA = 3 - 2 = 1 \text{ (cm)}$.

Vậy $AC = 1 \text{ cm}$.

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm)

1. Một tấm vải bớt đi 9 m thì còn lại $\frac{7}{10}$ tấm vải. Hỏi tấm vải đó dài bao nhiêu mét?

2. Một trường THCS có $1\ 200$ học sinh, trong đó số học sinh giỏi chiếm $\frac{1}{3}$ học sinh toàn khối, số học sinh khá chiếm $\frac{1}{4}$ số học sinh toàn trường, còn lại là số học sinh trung bình và yếu. Biết số học sinh yếu bằng $\frac{1}{5}$ tổng số học sinh trung bình và yếu. Tìm số học sinh trung bình và học sinh yếu của trường đó.

Hướng dẫn giải

1. 9 m vải ứng với số phần của tấm vải là: $1 - \frac{7}{10} = \frac{3}{10}$ (tấm vải)

Tấm vải đó dài số mét là: $9 : \frac{3}{10} = 30$ (m).

Vậy tấm vải đó dài 30 m .

2. Số học sinh giỏi của trường đó là $1\ 200 \cdot \frac{1}{3} = 400$ (học sinh)

Số học sinh khá của trường đó là: $1\ 200 \cdot \frac{1}{4} = 300$ (học sinh)

Số học sinh trung bình và yếu của trường đó là: $1\ 200 - 400 - 300 = 500$ (học sinh)

Số học sinh yếu của trường đó là: $500 \cdot \frac{1}{4} = 125$ (học sinh)

Do đó, số học sinh trung bình của trường đó là: $500 - 125 = 375$ (học sinh)

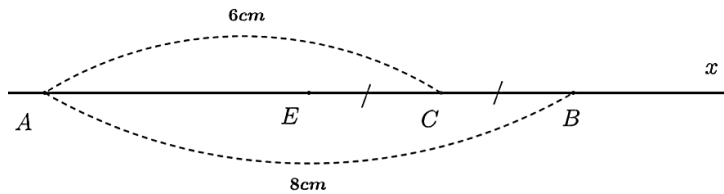
Vậy trường đó có 375 học sinh trung bình và 125 học sinh yếu.

Bài 2. (1,0 điểm) Trên tia Ax lấy hai điểm B và C sao cho $AB = 8\text{ cm}$, $AC = 6\text{ cm}$.

a) Tính độ dài đoạn thẳng BC .

b) Trên tia đối của tia CB lấy điểm E sao cho C là trung điểm của BE . Chứng minh E là trung điểm của đoạn AB .

Hướng dẫn giải



a) Trên tia Ax có $AB > AC$ nên điểm C nằm giữa A và B .

Do đó, $AC + CB = AB$ nên $BC = AB - AC = 8 - 6 = 2$ cm.

b) Vì C là trung điểm của BE nên $EC = CB = 2$ cm.

Do đó, $EB = EC + CB = 4$ cm.

Có E nằm giữa hai điểm A và B . (1)

Suy ra $AE + EB = AB$ nên $AE = AB - EB = 8 - 4 = 4$ cm.

Do đó, $BE = AE = 4$ cm. (2)

Từ (1) và (2) suy ra E là trung điểm của đoạn AB .

Bài 3. (0,5 điểm) Cho $A = 92 - \frac{1}{9} - \frac{2}{10} - \frac{3}{11} - \dots - \frac{92}{100}$ và $B = \frac{1}{45} + \frac{1}{50} + \frac{1}{55} + \dots + \frac{1}{500}$. Tính $\frac{A}{B}$.

Hướng dẫn giải

Ta có: $A = 92 - \frac{1}{9} - \frac{2}{10} - \frac{3}{11} - \dots - \frac{92}{100}$

$$A = \left(1 - \frac{1}{9}\right) + \left(1 - \frac{2}{10}\right) + \left(1 - \frac{3}{11}\right) + \dots + \left(1 - \frac{92}{100}\right)$$

$$A = \frac{8}{9} + \frac{8}{10} + \frac{8}{11} + \dots + \frac{8}{100}$$

$$A = 8 \left(\frac{1}{9} + \frac{1}{10} + \frac{1}{11} + \dots + \frac{1}{100} \right)$$

Ta có: $B = \frac{1}{45} + \frac{1}{50} + \frac{1}{55} + \dots + \frac{1}{500}$

$$B = \frac{1}{5} \left(\frac{1}{9} + \frac{1}{10} + \frac{1}{11} + \dots + \frac{1}{100} \right)$$

$$\frac{A}{B} = \frac{8\left(\frac{1}{9} + \frac{1}{10} + \frac{1}{11} + \dots + \frac{1}{100}\right)}{\frac{1}{5}\left(\frac{1}{9} + \frac{1}{10} + \frac{1}{11} + \dots + \frac{1}{100}\right)} = \frac{8}{\frac{1}{5}} = 40$$

Ta có:

Vậy $\frac{A}{B} = 40$.